Phẩm 13 (Kinh số 162 - 171)

Kinh Trung A-Hàm (Viện CĐPH Hải Đức - VNC PHVN, 2022)

162. KINH PHÂN BIỆT LỤC GIỚI Tôi nghe như vây: Một thời, Phật du hóa tại nước Ma-kiệt-đà? trú ở thành Vương Xá. Bấy giờ, đức Thế Tôn đến nhà thợ gốm và nói rằng: Này thợ gốm, Ta nay muốn tạm trú ở phòng làm đồ gốm một đêm, ông có thuận chăng? Thợ gốm trả lời: Con chẳng trở ngại gì nhưng đã có một Tỳ-kheo trú trong đó trước rồi. Nếu vị ấy thuận thì xin tùy ý! Lúc ấy, Tôn giả Phất-ca-la-sa-lợi đã tru ở trong phòng làm đồ gốm ấy trước roi. Bây giờ, đức Thê Tôn ra khỏi nhà thợ gôm, đi vào phòng làm gôm và nói với Tôn giả Phất-ca-la-sa~lợi: Này Tỳ-kheo, Ta nay muốn tạm trú một đêm ở phòng làm gốm, thầy có thuận chăng? Tôn giả Phất-ca-la-sa-lợi đáp: Thưa Hiền giả, tôi không trò ngại, vả lại ở phòng làm gốm này có chỗ ngôi băng cỏ đã trải xong. Hiên giả muôn ở lại, xin tùy ý! Bấy giờ, đức Thế Tôn từ phòng làm gốm đi ra ngoài, rửa chân rồi mới trở vào, lây ni-sư-đàn trải lên chô ngôi băng cỏ mà ngôi kiêt-già, suôt đêm yên lặng, tĩnh tọa, định ý. Tôn giả Phất-ca-la-sa-lợi cũng suốt đêm yên lặng, tĩnh tọa, định ý. Bấy giờ, đức Thế Tôn nghĩ rằng: "Tỳ-kheo này an trú tịch tinh, kỳ lạ thay, hy hữu thay! Có lẽ nay Ta nên hỏi Tỳ-kheo này, thầy của ông ấy là ai, y cứ vào ai mà xuất gia học đạo, thọ pháp?" Nghĩ vậy, Thế Tôn liền hỏi: Này Tỳ-kheo, Tôn sư của thầy là ai, thầy y cứ vào ai mà xuất gia học đạo, thọ pháp? Tôn giả Phất-ca-la-sa-lợi đáp: Thưa Hiền giả, có Sa-môn Cù-đàm, con dòng họ Thích, từ bỏ Thích tộc, cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sông không gia đình, xuât gia học dạo, đác quả Vô thượng Chánh đăng giác; vị ây là thây tôi. Tôi y cứ vào vị ấy mà xuất gia học đạo, thọ pháp. Đức Thế Tôn lại hỏi: Này Tỳ-kheo, thầy có lần nào thấy vị ấy chưa?

Tôn giả Phất-ca-la-sa-lợi đáp: Chưa thấy! Đức Thế Tôn hỏi: Nấu thấy vị ấy, thầy có nhận ra chăng? Không nhận ra. Nhưng thưa Hiền giả, tôi nghe Thế Tôn, Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giai, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhơn Sư, Phật, Chúng Hựu; vi ấy là Thầy tôi. Tôi nương theo vị ấy mà xuất gia học đạo, thọ pháp. Nghe như vậy, đức Thế Tôn lại nghĩ: "Người thiện nam này y cứ vào Ta mà xuất gia học đạo, thọ pháp, có lẽ nay Ta nên thuyết pháp cho người này." Nghĩ thế, đức Thế Tôn nói với Tôn giả Phất-ca-la-sa-lợi: Này Tỳ-kheo, nay Ta sẽ thuyết pháp cho thầy, phần đầu thiện, phần giữa thiện và phân cuối cũng thiện, có nghĩa, có văn, đây đủ thanh tinh, hiên hiện Phạm hạnh; đó gọi là Phân biệt sáu giới. Thầy hãy lắng nghe, khéo suy tư và ghi nhớ. Tôn giả Phất-ca-la-sa-lợi đáp: Xin vâng! Đức Phật bảo: Này Tỳ-kheo, con người có sáu giới tụ, có sáu xúc xứ, có mười tám ý hành, có bốn trụ xứ. Nếu ai an tru vào đó sẽ không nghe đến chuyện sầu não, sau khi không nghe chuyện sầu não thì ý không chán ghét, không ưu sầu, không lao nhọc, không sợ hãi. Như vậy, có sự khuyến giáo là đừng buông lung trí tuệ, hãy thủ hộ chan đế và trưởng dưỡng huệ thí. Này Tỳ-kheo, hãy học về tối thượng, hãy học về chí tịch, như vậy là phân biệt về sáu giới. Này Tỳ-kheo5 nói rằng con người có sáu giới tụ là do nhân duyên gì mà nói như thế? Địa giới, thủy giới, hỏa giới, phong giới, không

giới và thức giới. Này Tỳ-kheo, nói rang con người có sáu giới tụ là do nhân đó mà nói. Này Tỳ-kheo, nói rằng con người có sáu xúc xứ là do nhân gì mà nói như thế? Tỳ-kheo, nhãn xúc thấy sắc, nhĩ xúc nghe tiếng, tỷ xúc ngửi mùi, thiệt xúc nêm vị, thân xúc cảm xúc, ý xúc biêt pháp. Này Tỳ-kheo, nói răng con người có sáu xúc xứ là do nhân đó mà nói. Này Tỳ-kheo, nói rằng con người có mười tám ý hành là do nhân gì mà nói như thê? Tỳ-kheo, là mát thây sác, quán sác roi an trú nơi hy, quán sác roi an trú nơi ưu, quán sắc rồi an trú nơi xả. Cũng vậy, tai, mũi, lưỡi, thân và ý. Ý nhận thức pháp, quán pháp rồi an trú nơi hỷ, quán pháp rồi an trú nơi ưu, quán pháp rồi an tru nơi xả. Này Tỳ-kheo, như vậy sáu hỷ quán, sáu ưu quán, sáu xả quán hợp lại là mười tám ý hành. Nói rang con người có mười tám ý hành là do nhân đó mà nói.

162. KINH PHÂN BIỆT LỤC GIỚI 925

Này Tỳ-kheo, nói rằng con người có bốn trụ xứ là do nhân duyên gì mà nói như thế? Là chân đế trụ xứ, tuệ trụ xứ, thí xả trụ xứ và tịch tĩnh trụ xứ. Này Tỳ- kheo, nói rằng con người có bốn trụ xứ là do nhân đó mà nói. Này Tỳ-kheo, thế nào là Tỳ-kheo không buông lung trí tuệ? Tỳ-kheo nao phân biệt thân giới như thế này: "Nay thân này của ta có nội địa giới, được chấp thọ nơi hữu tình. Nội địa giới là thế nào? Là tóc, lông, móng, răng, da dày, da non, thịt, xương, gân, thận, tim, gan, phôi, lá lách, ruột già, bao tử, phân. Tương tự như thê, trong thân này còn những thứ khác nữa, những gì được thâu nhiêp trong thân thuộc về chất cứng, tính cứng ở bên trong, được chấp thọ nơi hữu tình là nội địa gi6i." Này Tỳ-kheo, dù là nội địa giới hay ngoại địa giới, đều gọi chung là địa giới. Tỳ-kheo đó dùng trí tuệ quán biết như thật rằng: "Những cái ấy không phải là sở hữu của ta, ta không phải là sở hữu của những cái ấy, những cái ấy cũng không phải là tự ngã của ta." Tâm vị ấy không nhiễm trước địa giới ấy. Đó là Tỳ-kheo không buông lung trí tuệ. Lại nữa, Tỳ-kheo không buông lung trí tuệ là Tỳ-kheo nào phân biệt thân giới như thế này: "Nay thân này của ta có nội thủy giới, được chấp thọ nơi hữu tình. Nội thủy giới là gì? Là não mạc, nước mat, mô hôi, nước mũi, mủ? máu, mỡ, tủy, nước giải, đờm, nước tiêu. Tương tự như thê, trong thân này còn nhiêu thứ khác nữa, những gì được thâu nhiếp trong thân, thuộc về chất nước, tính nước nhuần thâm ở bên trong, được châp thọ nơi hữu tình. Đó là nội thủy gi&i." Này Tỳ-kheo, nội thủy giới hay ngoại thủy giới đều gọi chung là thủy giới. Tỳ- kheo ây dùng trí tuệ quán biêt như thật răng: "Những cái ây không phải là sở hữu của ta, ta không phải là sở hữu của những cái ấy, những cái ấy không phải là tự ngã của ta.” Tâm vi ấy không bị nhiễm trước thủy giới ấy. Đó là Tỳ-kheo không buông lung trí tuệ. Lại nữa, Tỳ-kheo không buông lung trí tuệ là Tỳ-kheo nào phân biệt thân giới như thê này: "Nay thân này của ta có nội hỏa giới, được châp thọ nơi hữu tình. Nội hỏa giới là gì? Là cái làm cho thân phát nhiệt, thân nóng, thân phiền muộn, thân ấm lạnh, làm tiêu đồ ăn thức uống. Tương tự như thế, trong thân này còn những thứ khác nữa, những gì được thâu nhiếp trong thân, thuộc về lửa, tức lửa làm nóng ở bên trong, được chấp thọ nơi hữu tình. Đó là nội hỏa giói." Này Tỳ-kheo, dù nội hỏa giới hay ngoại hỏa giới đều gọi chung là hỏa giới. Vi ây dùng trí tuệ quán biêt như thật răng: "Những cái ây không phải là sở hữu của ta, ta không phải là sở hữu của những cái ấy, những cái ấy không phải là tự ngã của ta.” Tâm Tỳ-kheo ấy không nhiễm trước hỏa giới ấy. Đó là Tỳ-kheo không buông lung trí tuệ. Lại

nữa, Tỳ-kheo không buông lung trí tuệ là Tỳ-kheo nào phân biệt thân giới như thế này: "Nay thân này của ta có nội phong giới, được chấp thọ nơi hữu tình. Nội phong giới là thê nào? Là gió thôi lên, gió thôi xuông, gió ngang hông, gió co thắt, gió nhảy lên, gió phi đạo, gió cử động tay chân, gió ở hơi thở

ra, thở vào. Tương tự như thế, trong thân này còn các thứ khác nữa, những gì được thâu nhiếp trong thân, thuộc về gió, tánh gió, lưu động bên trong, được chấp thọ nơi hữu tình. Đó là nội phong giới." Này Tỳ-kheo, dù ngoại phong giới hay nội phong giới đều gọi chung là phong giới. Tỳ-kheo ấy dùng trí tuệ quán biêt như thật răng: "Những cái ây không phải là sở hữu của ta, ta không phải là sở hữu của những cái ấy, những cái ấy không phải là tự ngã của ta." Tâm vi ây không nhiêm trước phong giới ây. Đó là Tỳ-kheo không buông lung trí tuệ. Lại nữa, Tỳ-kheo không buông lung trí tuệ là Tỳ-kheo nào phân biệt thân giới như thế này: “Nay thân này của ta có nội không giới, được chấp thọ nơi hữu tình. Nội không giới là gì? Là lỗ trống ở mắt, lỗ ứống ở tai, lỗ trống ở mũi, lỗ trống ở miệng, cổ họng cử động, tức là để cho thức nhai và nuốt từ từ đi qua cổ họng, đi xuống rồi ra ngoài. Tương tự như thế, trong thân này có những thứ khác nữa, thuộc về hư không, ở chỗ hư không ấy không bị da thịt xương gân lấp kín. Đó là nội không giới.99 Này Tỳ-kheo, dù nội không giới hay ngoại không giới đều gọi chung là không giới. Tỳ-kheo dùng trí tuệ quán biết như thật rằng: "Những cái ấy không phải là sở hữu của ta, ta không phải là sở hữu của những cái ấy, những cái ấy không phải là tự ngã của ta." Tâm vị ấy không nhiễm trước không giới ấy. Đó là Tỳ-kheo không buông lung trí tuệ. Này Tỳ-kheo, nếu Tỳ-kheo nào biết như thật về năm giới này, sau khi biết như thật, tâm không nhiễm trước chúng thì được giải thoát, chỉ còn có các thức mà thôi. Đó là những thức nào? Là lạc thức, kho thức, hỷ thức, ưu thức và xả thức. Này Tỳ-kheo, nhân lạc xúc mà sanh lạc thọ, vi ấy cảm giác lạc thọ. Khi đã cảm giác lạc thọ, vi ấy biết mình cảm giác lạc thọ. Nếu Tỳ-kheo nào diệt lạc xúc, sau khi diệt lạc xúc này, nếu có lạc thọ do lạc xúc sanh, vi ấy cũng diệt, tĩnh chỉ và biết đã hoàn toàn nguội lạnh. Này Tỳ-kheo, nhân khổ xúc sanh ra khổ thọ, vị ấy cảm giác khổ thọ. Sau khi đã cảm giác khổ thọ, vị ấy đã biết mình cảm giác khổ thọ. Nếu Tỳ-kheo nào diệt khô xúc, sau khi diệt khô xúc, nêu có khô thọ do khô xúc sanh, vị ây cũng diệt, tĩnh chỉ và biết đã hoàn toàn nguội lạnh. Này Tỳ-kheo, nhân hỷ xúc sanh ra hỷ thọ, vị ấy cảm giác hỷ thọ. Khi đã cảm giác hỷ thọ, vị ấy biết mình cảm giác hỷ thọ. Nêu Tỳ-kheo nào diệt hỷ xúc, sau khi diệt hỷ xúc này, nêu có hỷ thọ do hỷ xúc sanh, vị ây cũng diệt, tĩnh chỉ và biết đã hoàn toàn nguội lạnh. Này Tỳ-kheo, nhân ưu xúc sanh ra ưu thọ, vị ấy cảm giác ưu thọ. Khi đã cảm giác ưu thọ, vị ấy biết mình cảm giác ưu thọ. Nếu Tỳ-kheo nào diệt ưu xúc, sau khi diệt ưu xúc này, nêu có ưu thọ do ưu xúc sanh, vi ây cũng diệt, tĩnh chỉ và biết đã hoàn toàn nguội lạnh. Này Tỳ-kheo, nhân xả xúc sanh ra xả thọ, vị ây cảm giác xả thọ. Khi đã cảm giác xả thọ, vị ây biêt mình cảm giác xả thọ. Nêu Tỳ-kheo nào diệt xả xúc ây5

l • A o , \ M n , 9 y 1 • Ấ khi diệt xả xúc rôi? nêu có từ xả xúc sanh xả thọ, vi ây cũng diệt, tĩnh chỉ và biêt đã hoàn toàn nguội lạnh. Này Tỳ-kheo? nhân các xúc sanh ấy sanh ra các thọ ấy, khi đã diệt các xúc ấy thì các thọ ấy cũng diệt. Vị ấy biết rằng, thọ này từ xúc mà có, lấy xúc làm gốc, lấy xúc làm tập khởi, từ xúc sanh ra, lấy xúc làm đầu mối, y cứ nơi xúc mà hiện hành. Này Tỳ-kheo, cũng như mồi lửa, nhân cái dùi, sự nỗ lực của người và sức nóng mà lửa phát sanh. Này Tỳ-kheo, khi các dùi cây ấy tách rời nhau, nêu lửa từ đó phát sanh, sức nóng của lửa và sự chập thọ của hữu tình, tát cả đều tắt biến, vắng bặt, im lìm và dùi cây nguội lạnh. Cũng vậy, này Tỳ-kheo, các xúc sanh ây thê này hay thê kia sanh ra các thọ như thê này hay thê khác, diệt các xúc ấy thì các thọ ấy cũng diệt. Như vậy là đã biết thọ này từ xúc mà có, lấy xúc làm gốc, lấy xúc làm tập khởi, từ xúc sanh ra, lấy xúc làm đầu mối, y cứ nơi xúc mà hiện hành. Nêu Tỳ-kheo nào không nhiễm trước ba thọ này mà lại giải thoát thì Tỳ-kheo ấy chỉ còn có xả rất thanh tinh. Này Tỳ-kheo, vi ấy nghĩ rằng: “Ta với xả thanh tịnh này nhập vào Vô lượng không xứ, tu tập tâm như vậy, nương vào đó, tru vào đó, vững vàng vào đó, duyên vào đó, gắn chặt vào đó. Ta với xả thanh tinh này nhập vào Vô lượng thức xứ, Vô sở hữu xứ, Phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ, tu tập tâm như vậy, nương vào đó, trú vào đó, vững vàng vào đó, duyên vào đó, gắn chặt vào âỏy Này Tỳ-kheo, cũng như thợ nấu vàng lành nghề dùng lửa đốt thỏi vàng, dát cho thật mỏng, rồi lại bỏ vào lò nung, đót lửa đêu đặn và đúng độ, luyện kỹ cho đên lúc tinh ròng, rát mem mại và có ánh sáng. Này Tỳ-kheo, thứ vàng này là do thợ vàng đã đốt với lửa đêu đặn và đúng độ, luyện kỹ thật tinh ròng, rát mem mại và có ánh sáng. Như vậy roi, thợ vàng ây làm theo ý mình, như làm dây dính vào tơ lụa đê trang sức áo mới, làm nhẫn tay, vòng tay xuyến, chuỗi, lưới tóc. Cũng vậy, Tỳ-kheo, vị Tỳ-kheo ấy nghĩ rằng: "Ta với xả thanh tịnh này nhập vào Vô lượng không xứ, tu tập tâm như vậy, nương vào đó, trú vào đó? vững vàng nơi đó, duyên vào đỏ, gắn chặt vào đó. Ta với xả thanh tịnh này, nhập vào Vô lượng thức xứ, Vô sở hữu xứ, Phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ, tu tập tâm như vậy, nương vào đó, tru vào đó, vững vàng nơi đó, duyên vào đó, gắn chặt vào đó/9 Tỳ-kheo ấy lại nghĩ: “Ta với xả thanh tịnh này nương vào Vô lượng không xứ, như vậy thuộc pháp hữu vi; Pháp hữu vi là vô thương; cái gì là vô thường, cái ấy là khổ. Nếu là khổ thì biết là khổ. Khi đã biết khổ thì xả, không du nhập Vô lượng không xứ nữa. Ta với xả thanh tịnh này nương vào Vô lượng thức xứ, Vô sở hữu xứ, Phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ, vẫn là thuộc pháp hữu vi. Nếu là pháp hữu vi thì vô thường; cái gì vô thường, cái ấy là khổ. Nếu là khổ thì liền biết là khổ. Khi đã biết khổ thì xả, không du nhập Vô lượng thức xứ, Vô sở hữu xứ, Phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ nữa." Này Tỳ-kheo, nếu Tỳ-kheo nào dùng tuệ quán bốn xứ này, biết như thật tâm không thành tựu, không du nhập thì bấy giờ xả ấy không còn là hữu vi nữa, vị ây không suy tư gì đên hữu và vô nữa. Vị ây cảm giác vê

thọ thân tôi hậu thì biêt cảm giác vê thọ thân tôi hậu, cảm giác vê thọ sanh mạng tối hậu thì biết cảm giác về thọ sanh mạng tối hậu, và biết khi thân hoại mạng chung, sanh mạng chấm dứt, những gì được cảm thọ, tất cả đều tịch diệt, tịch tịnh, tĩnh chỉ và biết là sẽ rất nguội lạnh. Này Tỳ-kheo, thí như đèn sáng là nhờ dầu và tim. Nếu không có ai đổ thêm dâu, nôi thêm tim, như vậy thì dâu và tim có trước đã cháy hét mà những cái sau

không được tiếp nôi, sẽ không còn gì đê chấp thọ nữa. Tỳ-kheo ây cũng thế, cảm giác về chấp thọ thân tối hậu thì biết cảm giác về chấp thọ thân tối hậu, cảm giác về chấp thọ sanh mạng tối hậu thì biết cảm giác về chấp thọ sanh mạng tối hậu, và biết rằng, khi thân hoại mạng chung, sanh mạng chấm dứt thì tất cả những gì được cảm thọ thảy đều tịch diệt, tịch tịnh, tĩnh chỉ và biết là sẽ rát nguội lạnh. Này Tỳ-kheo, như thê, vi ây được gọi là Tỳ-kheo chánh tuệ bậc nhất, nghĩa là đạt đến cứu cánh diệt tận, lậu tận. Tỳ-kheo ấy thành tựu như vậy là thành tựu chỗ chánh tuệ bậc nhất. Sự giải thoát này, vị ấy an trú vào chân đế, không bị dao động. Chân đế là pháp như thật, vọng ngôn là pháp hư vọng. Tỳ-kheo ấy thành tựu chân đế bậc nhất. Này Tỳ-kheo, với thí xả, nếu trước kia CÓ oan gia cô cựu thì bây giờ vi ây phóng xả, lìa bỏ, giải thoát, dứt trừ. Này Tỳ- kheo, đó là Tỳ-kheo chánh huệ thí bậc nhất, xả ly tất cả mọi sự ở đời, hoàn toàn vô dục, tịch tinh, tĩnh chỉ. Này Tỳ-kheo, thành tựu như the là thành tựu chỗ huệ thí bậc nhất. Này Tỳ-kheo, Tỳ-kheo nào tâm bi dục, nhuế và si làm cho ô uế, không được giải thoát; Tỳ-kheo ây tận diệt tát cả dâm, nộ, si, vô dục, tịch tinh, tĩnh chỉ, chứng đắc tịch tịnh bậc nhất. Này Tỳ-kheo, thành tựu như thế là thành tựu chỗ tịch tinh bậc nhất. Này Tỳ-kheo, ai nghĩ rằng utôi là"ấy là ngã mạn; "t6i sẽ c6”ấy cũng ỉa ngã mạn; "tôi sẽ chăng phải có, chăng phải kh6ng", ây cũng là ngã mạn; "t6i sẽ có sắc9\ ấy cũng là ngã mạn; "t6i sẽ không có sc", ấy cũng là ngã mạn; utôi sẽ chẳng phải có sắc, chẳng phải không sắc", ấy cũng là ngã mạn; "t6i sẽ có tưởng”ấy cũng là ngã mạn; "tôi sẽ không có tưởng", ấy cũng là ngã mạn; "tôi sẽ chẳng phải có tưởng, chẳng phải không có tưởng”, ấy cũng là ngã mạn, là cống cao, là kiêu ngạo, là phóng dật. Này Tỳ-kheo9 nếu không có những điều này: Ngã mạn, công cao, kiêu ngạo, phóng dật thì ý tịch tịnh. Này Tỳ-kheo, nêu ý tịch tịnh thì không chán ghét, không ưu sầu, không lao nhọc, không sợ hãi. Vì sao? Vì Tỳ-kheo ấy đã thành tựu pháp nên không còn chán ghét, không chán ghét thì không ưu tư, không ưu tư thì không sầu não, không sầu não thì không lao nhọc, không lao nhọc thì không sợ hãi, nhân không sợ hãi thì sẽ đắc Niết- bàn, biết như thật rằng: “Sụ* sanh đã dứt, Phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa.,, Đức Thế Tôn thuyết pháp này xong, Tôn giả Phất-ca-la-sa-lợi viễn ly trần cấu, phát sanh pháp nhãn về các pháp. Bấy giờ, Tôn giả Phất-ca-la-sa-lợi thấy pháp, đắc pháp, chứng pháp bạch tịnh, đoạn trừ nghi hoặc, không còn ai hơn,

không tùy thuộc ai nữa, không còn do dự, đã an trú vào quả chứng đắc. Đối với pháp của Thế Tôn, chứng đắc vô úy, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, cúi đầu đảnh lễ sát chân Phật và bạch: —Bạch Thê Tôn, con ăn năn. Bạch Thiện The, con ngay từ đâu như ngu như si, như khờ dại, như không hiểu biết, không nhận ra bậc Lương Điền, và không tự biết. Vì sao? Vì con đã gọi Như lai, bậc Vo Sở Trước, Chánh Đẳng Giác là “Hiền gi” Mong đức Thế Tôn cho con sám hối, sau khi sám hối, con sẽ không còn tái phạm nữa! Đức Thế Tôn đáp: Này Tỳ-kheo, thầy quả thực ngu si, quả thực là khờ dại, không hiểu biết nên đã gọi Như Lai, bậc Vo Sở Trước, Đẳng Chánh Giác là "Hiền gi*." Này Tỳ-kheo, nếu thầy tự sám hối, đã thấy và phát lồ, gìn giữ không tái phạm nữa, như thế, này Tỳ-kheo, đối với Pháp, Luật của bậc Thánh, như vậy là tăng ích chớ không tổn hại, vì đã tự sám hối, đã tự thấy và phát lồ, gìn giữ không tái phạm nữa. Đức Phật thuyết như vậy, Tôn giả

Phất-ca-la-sa-lợi sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

/ếẩấ

v

163. KINH PHÂN BIỆT LỤC xứ Tôi nghe như vây: Một thời, Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Này các Tỳ-kheo, Ta sẽ thuyết pháp cho các thầy, phần đầu thiện, phần giữa thiện và phần cuối cũng thiện, có nghĩa, có văn, đầy đủ thanh tịnh, hiển hiện Phạm hạnh. Đó là Kỉnh Phân biệt về sáu xứ. Các thầy hãy lắng nghe, khéo suy tư và ghi nhớ. Nghe vậy, các Tỳ-kheo thưa: Bạch Thế Tôn, chúng con xin vâng lời! Đức Phật bảo: Này các Tỳ-kheo, sáu xứ bên trong cân phải biêt; sáu xúc xứ bên trong cần phải biết; mười tám ý hành bên trong cần phải biết; ba mươi sáu đao kiếm bên trong cần phải biết; trong đó, đoạn trừ những cái ấy, thành tựu như vậy; thuyết pháp vô lượng ở bên trong cần phải biết; ba ý chí, những điều mà bậc Thánh phải tu tập, sau khi tu tập mới có thể giáo hóa đồ chúng; đó là bậc Vô Thượng Điều Ngự, bậc Điều Ngự thú hướng đến mọi phương. Như vậy là phân biệt sáu xứ. Nói rằng: "Sáu xứ bên trong cần phải biế(” là do nhân gì mà nói như thế? Là nhãn xứ, nhĩ, tỷ, thiệt, thân và ý xứ. Nói rằng: "Sáu xứ bên trong cần phải biết" là nhân đó mà nói. Nói răng: "Sáu xúc xứ bên trong cân phải biêt" là do nhân gì mà nói như vậy? Là nhãn xúc thì thay sắc, nhĩ xúc thì nghe tiếng, tỷ xúc thì ngửi mùi, thiệt xúc thì nếm vị, thân xúc thì cảm giác, ý xúc thì biết pháp. Nói rằng: "Sáu xúc xứ bên trong can phải biết" là nhân đó mà nói. Nói rằng: "Mười tám ý hành bên trong cần phải biết" là do nhân gì mà nói như vậy? Là Tỳ-kheo mắt đã thấy sắc rồi phân biệt sắc mà an tru nơi hỷ, phân biệt sắc mà an tru nơi ưu, phân biệt sắc mà an trú nơi xả. Cũng vậy, tai, mũi, lưỡi, thân và ý; ý đã biết pháp rồi phân biệt pháp mà an trú nơi hỷ, phân biệt pháp mà an trú nơi ưu, phân biệt pháp mà an trú nơi xả. Như vậy, khi phân biệt có sáu trường hợp hỷ, khi phân biệt có sáu trường hợp ưu, khi phân biệt có sáu trường hợp xả, tổng cộng là mười tám ý hành. Nói rằng: "Mười tám ý hành bên trong cần phải biết” là nhân đó mà nói.

Nói rằng: “Ba mươi sáu loại đao kiếm bên trong cần phải biết” là do nhân gì mà nói như vậy? Có sáu hỷ y trên đam mê, có sáu hỷ y trên vô dục; có sáu ưu y trên đam mê, có sáu ưu y trên vô dục; có sáu xả y trên đam mê, có sáu xả y trên vô dục. Thế nào là sáu hỷ y trên đam mê? Thế nào là sáu hỷ y trên vô dục? Mắt thấy sắc rồi phát sanh hỷ, nên có hai loại, hoặc y trên đam mê, hoặc y trên vô dục. Thế nào là hỷ y trên đam mê? sắc được biết bởi mắt, khả hỷ, khả ý, khả niệm, khả ái, sắc ái lạc tương ưng với lạc, dục; cái chưa được thì muốn được, cái đã được thì truy ức, rồi phát sanh hỷ. Hỷ như vậy ệọi là hỷ y trên đam mê. Thế nào là hỷ y trên vô dục? Biết sắc vô thường, biến dịch nên dứt sạch, vô dục, tịch diệt, tịch tịnh; biết tất cả sắc trước kia và bây giờ đều là pháp vô thường, khổ, hoại diệt, truy ức như vậy rồi phát sanh hỷ. Hỷ như vậy gọi là hỷ y trên vô dục. Cũng vậy, tai, mũi, lưỡi, thân và ý; ý nhận thức pháp rồi sanh hỷ? nên biết có hai loại, hoặc y trên đam mê, hoặc y trên vô dục. Thê nào là hỷ y trên đam mê? Pháp được

biết bởi ý, khả hỷ, khả ý? khả niệm, pháp ai lạc tương ưng với dục; cái chưa được thì muốn được, đã được thì truy ức, rồi phát sanh hỷ. Hỷ như vậy gọi là hỷ y trên đam mê. Thế nào gọi là hỷ y trên vô dục? Biết pháp là vô thường, biến dịch nên dứt sạch, vô dục, tịch diệt, tịch tinh; biết tất cả pháp trước kia và bây giờ đều là vô thường, khổ, hoại diệt, truy ức như vậy rồi phát sanh hỷ. Hỷ ấy gọi là hỷ y trên vô dục. Thế nào là sáu iru y trên đam mê? Thế nào là sáu tru y trên vô dục? Mắt thấy sắc rồi phát sanh ưu, nên biết có hai loại, hoặc y trên đam mê, hoặc y trên vô dục. Thế nào là ưu y trên đam mê? sắc được biết bởi mắt, khả hỷ, khả v, khả niệm, sắc ái lạc tương đương với dục; cái chưa được mà không được, đã được nhưng trong quá khứ bị phân tán, hoại diệt, biến dịch nên sanh ưu. Ưu như vậy gọi là tru y trên đam mê. Thế nào gọi là ưu y trên vô dục? Biết sắc là pháp vô thường, khổ, hoại diệt nên dứt sạch, vô dục, tịch diệt, tịch tịnh; biết tát cả sắc trước kia và bây giờ đều là pháp vô thường, khổ, hoại diệt; truy ức như vậy rồi nghĩ rằng: "Ta lúc nào thì thành tựu, an trú nơi xứ mà các bậc Thánh đã thành tựu, an trú?" Do ước nguyện chứng nhập tôi thượng ây mà lo sợ9 sâu khô, nên phát sanh tru. Ưu như vậy gọi là ưu y trên vô dục. Cũng vậy, tai, mũi, lưỡi, thân và ý; ý nhận thức pháp phát sanh ưu, nên biết có hai loại, hoặc y trên đam mê, hoặc y trên vô dục. Thê nào là tru y trên đam mê? Pháp được biết bởi ý, khả hỷ, khả ý, khả niệm, pháp ái lạc tương ưng với dục; cái chưa được mà không được, cái đã được nhimg trong quá khứ đã bị phân tán, hoại diệt, biến dịch nên sanh ưu. Ưu như vậy gọi là ưu y trên đam mê. Thế nào là ưu y trên vô dục? Biết pháp là vô thường, biến dịch nên dứt sạch, vô dục, tịch diệt, tịch tịnh; biết tất cả pháp trước kia và bây giờ đều vô thường, khổ, hoại diệt; truy ức như vậy rồi nghĩ răng: "Ta lúc nào thì thành tựu, an trú vào xứ mà các bậc Thánh đã thành tựu, an trú?" Do ước nguyện chứng nhập tối thượng ấy mà lo sợ, sầu khổ, nên phát sanh tru. Ưu như vậy gọi là ưu y trên vô dục.

163. KINH PHÂN BIỆT LỤC xứ 933

Thế nào là sáu xả y trên đam mê? Thế nào là sáu xả y trên vô dục? Mắt thấy sắc phát sanh xả, nên biết có hai loại, hoặc y trên đam mê, hoặc y trên vô dục. Thê nào là xả y trên đam mê? Mát thây sác roi phát sanh xả; phàm phu ngu si hoàn toàn không đa văn, không trí tuệ, đối với sắc có xả, nhimg không xuất ly sắc. Đó là xả y trên đam mê. Thế nào là xả y trên vô dục? Biết sắc vô thường, biến dịch nên dứt sạch, vô dục, tịch diệt, tịch tịnh; biết tất cả sắc trước kia và bây giờ đều là vô thường, khổ, hoại diệt; truy ức như vậy rồi an trú nơi xả. Nếu vi nào dốc lòng tu tập xả như thế, đó là xả y trên vô dục. Cũng vậy, tai, mũi, lưỡi, thân và ý; ý nhận thức pháp, phát sanh xả, nên biết rằng có hai loại, hoặc y trên đam mê, hoặc y trên vô dục. Thế nào là xả y trên đam mê? Ý nhận thức pháp sanh xả; phàm phu ngu si hoàn toàn không đa văn, không trí tuệ, đoi với pháp có xả, nhưng không xuất ly pháp. Đó là xả y trên đam mê. Thế nào là xả y trên vô dục? Ý biết pháp là vô thường, biến dịch nên dứt sạch, vô dục, tịch diệt, tịch tinh; biết pháp trước kia và bây giờ là vô thường, khổ, hoại diệt; truy ức như vậy rồi an trú nơi xả. Ai dốc lòng tu tập xả ấy thì đó là xả y trên vô dục. Như vậy là sáu hỷ y trên đam mê, sáu hỷ y trên vô dục; sáu ưu y trên đam mê? sáu ưu y trên vô dục; sáu xả y trên đam mê, sáu xả y trên vô dục, tổng cộng là ba mươi sáu thứ đao kiếm bên trong cần phải biết. Do nhân đó mà nói như thế. Nói rằng: “Trong đó? đoạn trừ chúng, thành tựu như

thg" là do nhân gì mà nói như vậy? Đối với sáu hỷ y trên vô dục này, hãy thủ lấy chúng, y trên chúng, tru nơi chúng; còn đối với sáu hỷ y trên đam mê ấy thì hãy hủy diệt chúng, đoạn trừ chúng, phế thải chúng. Như vậy là đoạn trừ chúng. Đối với sáu ưu y trên vô dục này, hãy thủ lấy chúng, y trên chúng, tru nơi chúng; còn đối với sáu ưu y trên đam mê ấy thì hãy hủy diệt chúng, đoạn trừ chúng, phế thải chúng. Như vậy là đoạn trừ chúng. Đối với sáu xả y trên vô dục này, hãy thủ lấy chúng, y trên chúng, trú nơi chúng; còn đối với sáu xả y trên đam mê ấy thì hãy hủy diệt chúng, đoạn trừ chúng, phế thải chúng. Như vậy là đoạn trừ chúng. Đối với sáu ưu y trên vô dục này, hãy thủ lấy chúng, y trên chúng, trú nơi chúng; còn đối với sáu hỷ y trên đam mê này, hãy hủy diệt chúng, đoạn trừ chúng, phế thải chúng. Như vậy là đoạn trừ chúng. Đối với sáu xả y trên vô dục, hãy thủ lấy chúng, y trên chúng, trú nơi chúng; còn đối với sáu ưu y trên đam mê này, hãy hủy diệt chúng, đoạn trừ chúng, phế thải chúng. Như vậy là đoạn trừ chúng. Có loại xả có vô lượng xúc, sai biệt xúc; có loại xả chỉ có một xúc, không sai biệt xúc. Thê nào là xả có vô lượng xúc, sai biệt xúc? Nêu xả đôi với sác, đôi với thanh, đôi với hương, đôi với vị, đôi với xúc thì xả ây có vô lượng xúc, sai biệt xúc. The nào là xả chỉ có một xúc, không sai biệt xúc? Là xả hoặc y vào Vô lượng không xứ, hoặc y vào Vô lượng thức xứ, hoặc y vào Vô sở hữu xứ, hoặc y vào Phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ thì xả ấy chỉ có một xúc, không sai biệt xúc. Đối với xả có một xúc, không sai biệt xúc, hãy thủ lấy, y vào đó5 tru vào đó. Đối với xả có vô lượng xúc, sai biệt xúc, hãy hủy diệt chúng, đoạn trừ

chúng, phế thải chúng. Như vậy là đoạn trừ chúng. Thủ vô lượng, trú vô lượnẹ, tức là đoi với xả có một xúc, không sai biệt xúc, hãy thủ lấy, y vào, trú vào. Đoi với xả có vô lượng xúc? sai biệt xúc, hãy hủy diệt chúng, đoạn trừ chúng, phế thải chúng. Như vậy là đoạn trừ chúng. Nói rằng: "Trong đó? đoạn trừ chúng, thành tựu như thế" là nhân đó mà nói. Nói rằng:Thuyết pháp vo lượng ở bên trong, cần phải biết" là do nhân gì mà nói như the? Như Lai có bon hạng đệ tử, có tăng thượng hành, tăng thượng ý, tăng thượng niệm, tăng thượng huệ, có biện tài, thành tựu biện tài bậc nhất, thọ đến một trăm tuổi. Như Lai thuyết pháp cho các đệ tử suốt cả một trăm năm, ngoại trừ lúc ăn, lúc uông, lúc đại tiêu tiện, lúc ngủ nghỉ và lúc tụ hội. Như Lai thuyết pháp có văn cú, pháp cú, muốn quán nghĩa, các đệ tử dùng tuệ quán một cách nhanh chóng, không có hỏi lại Như Lai về pháp nữa. Vì sao? Vì pháp được Như Lai giảng thuyết không có giới hạn, không thể cùng tận, có văn cú, pháp cú, đê quán nghĩa cho đên lúc bôn hạng đệ tử lâm chung. Cũng như bốn hạng người bắn giỏi, cùng kéo mạnh dây cung mà bắn một lượt là do khéo học, khéo tập, có phương tiện thấu rõ quá khứ. Cũng vậy, Thế Tôn có bốn hạng đệ tử, có tăng thượng hành, tăng thượng ý, tăng thượng niệm, tăng thượng huệ? có biện tài, thành tựu biện tài bậc nhất, thọ đến một trăm tuổi. Như Lai úiuyết pháp cho các đệ tử suốt một trăm năm, ngoại trừ lúc ăn uống, lúc đại tiểu tiện, lúc ngủ nghỉ và lúc tụ hội. Như Lai thuyết pháp có văn cú, pháp cú, muốn quán nghĩa thì dùng tuệ quán một cách nhanh chóng, đệ tử không hỏi lại Như Lai về pháp nữa. Vì sao? Vì pháp được Như Lai giảng thuyết không giới hạn, không cùng tận. Nói rằng: "Thuyết pháp vô lượng ở bên trong, cần phải biết" là nhân đó mà nói. Nói rằng: "Ba ý chỉ là

pháp mà bậc Thánh tu tập, sau khi tu tập mới có thể giáo hóa đồ chúng" là do nhân gì mà nói như thế? Nhu Lai thuyết pháp cho đệ tử là vì thương tưởng, mến yêu, vì mưu cầu thiện lợi và hữu ích, an ổn và khoái lạc, phát khởi tâm từ bi mà bảo rằng: "Bây là hữu ích, đây là khoái lạc, đây là hữu ích khoái lạc.” Nếu các đệ tử không cung kính, không thực hành, không vững chánh trí, tâm không hướng đến pháp tùy, pháp hành, không thọ Chánh pháp, làm trái lời Thế Tôn, không thể đắc định thì Thế Tôn không vì thế mà buồn rầu; Thế Tôn chỉ xả? không dao động, thường chánh niệm, chánh trí. Đó là ý chỉ thứ nhất mà bậc Thánh tu tập, sau khi đã tu tập mới có thể giáo hóa đồ chúng. Lại nữa, Như Lai thuyết pháp cho đệ tử vì thương tưởng, mến yêu, vì mưu câu thiện lợi hữu ích, an ôn và khoái lạc, phát khởi tâm từ bi mà nói rằng: "Đây là hữu ích, đây là khoái lạc, đây là hữu ích khoái lac?9 Nếu các đệ tử cung kính, thực hành theo chánh trí, tâm hướng đến pháp tùy, pháp hành, thọ trì Chánh pháp, không trái lời Thế Tôn, đắc đinh thì Thế Tôn cũng không vì thế mà hoan hỷ; Thế Tôn chỉ xả, không dao động, thường chánh niệm, chánh trí. Đó là ý chỉ thứ hai mà bậc Thánh tu tập, sau khi đã tu tập mới có thể giáo hóa đồ chúng.

163. KINH PHÂN BIỆT LỤC xứ 935

Lại nữa, Như Lai thuyết pháp cho đệ tử vì thương tưởng, mến yêu, vì mưu cầu thiện lợi hữu ích, an ổn và khoái lạc, phát khởi tâm từ bi mà bảo rằng: "Đây là hữu ích, đây là khoái lạc, đây là hữu ích khoái C."Nấu các đệ tử không cung kính, cũng không thực hành, không vững chánh trí, tâm không hướng đến pháp tùy, pháp hành, không thọ trì Chánh pháp, trái lời Thế Tôn, không thể đắc pháp; trái lại có đệ tử cung kính, thực hành vững chánh trí, tâm quy hướng đến pháp tùy, pháp hành, thọ trì Chánh pháp, không trái lời Thế Tôn, đắc định thì Thế Tôn cũng không vì thế mà buồn rầu hay hoan hỷ; Thế Tôn chỉ xả, không dao động, thường chánh niệm, chánh trí. Đó là ý chỉ thứ ba mà bậc Thánh tu tập, sau khi đã tu tập mới có thể giáo hóa đồ chúng. Nói rằng: "Ba ý chỉ mà bậc Thánh phải tu tập, sau khi tu tập mới có thể giáo hóa đô chung" là nhân đó mà nói. Nói rằng: "Bậc Vô Thượng Điều Ngự là bậc Điều Ngự thú hướng mọi phương,, do nhân gì mà nói như vậy? Bậc Điều Ngự, đó là nói đến bậc Điều Ngự chỉ thú hướng một phương, hoặc phương Đông, hoặc phương Nam, hoặc phương Tây, hoặc phương Bắc. Chẳng hạn như điều ngự voi là vị điều ngự chỉ dẫn con voi đến một phương, hoặc phương Đông, hoặc phương Nam, hoặc phương Tây, hoặc phương Bác; điêu ngự ngựa là vi điêu ngự chỉ dân con ngựa đến một phương, hoặc phương Đông, hoặc phương Nam, hoặc phương Tây, hoặc phương Bắc; điều ngự bò là vi điều ngự chỉ dẫn con bò đến một phương, hoặc phương Đông, hoặc phương Nam, hoặc phương Tây, hoặc phương Bắc. Trái lại, Vô Thượng Điều Ngự thú hướng đến mọi nơi. Trong đó? phương có sắc thì quán sắc; đó là phương thứ nhất. Bên trong không có sắc tưởng, bên ngoài quán sắc; đó là phương thứ hai. Thanh tịnh, giải thoát, thân chứng thành tựu, an trú; đó là phương thứ ba. Vượt qua mọi sắc tưởng, diệt hữu đối tưởng, không nghĩ đến các loại tưởng sai biệt, nhập Vô lượng không, thành tựu và an trú Vô lượng không xứ; đó là phương thứ tư. Vượt qua mọi Vô lượng không xứ, nhập Vô lượng thức, thành tựu an trú Vô lượng thức xứ; đó là phương thứ năm. Vượt qua mọi Vô lượng thức xứ, nhập Vô sở hữu xứ, thành tựu an trú Vô sở hữu xứ; đó là phương thứ sáu. Vượt qua mọi Vô sở

hữu xứ, nhập Phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ, thành tựu an trú; đó là phương thứ bảy. Vượt qua mọi Phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ, tưởng và thọ đã diệt tận, thân chứng thành tựu an trú, do tuệ quán mà được trí lậu tận, vĩnh viễn đoạn trừ; đó là phương thứ tám. Nói rằng: "Bậc Vô Thượng Điều Ngự là vi Điều Ngự thú hướng đến mọi phương" là nhân đó mà nói. Đức Phật thuyêt như vậy, các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

164. KINH PHÂN BIỆT QUÁN PHÁP Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật du hóa tại nước Xá-vệ? trong rừng Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Này các Tỵ-kheo? Ta sẽ thuyết pháp cho các thầy, phần đầu thiện, phần giữa thiện và phần cuối cũng thiện, có văn, có nghĩa, đầy đủ thanh tịnh, hiển hiện Phạm hạnh, đó là Kinh Phân biệt quản pháp. Hãy lắng nghe, khéo tư duy và ghi nhớ. Nghe vậy, các Tỳ-kheo thưa: Bạch Thế Tôn, chúng con xin vâng lời. Đức Phật bảo: -Này các Tỳ-kheo, quán như thê nào mà sau khi các thây quán như vậy, tâm hướng về bên ngoài bi chi phối, tán loạn; và tâm không trú vào bên trong, không châp thủ, nhimg sợ hãi. Nhimg này Tỳ-kheo, hãy quán như thế nào mà sau khi các thầy đã quán như vậy, tâm khônẹ hướng về bên ngoài, không bị chi phối, tán loạn; tâm trú bên trong, không châp thủ, không sợ hãi. Như vậy, các thầy không còn sanh, lão, bệnh, tử nữa. Đó là dứt tận sự khổ. Đức Phật dạy như thê xong, liên từ chô ngôi đứng dậy, vào phòng tĩnh tọa. Thấy vậy, các Tỳ-kheo nghĩ rằng: “Chu Hiền nên biết, đức Thế Tôn nói lên điều đó một cách tóm tắt, không phân biệt rộng rãi, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, vào phòng tĩnh tọa. Thế Tôn chỉ nói: 'Này các Tỳ-kheo? quán như thế nào mà sau khi các thày quán như vậy, tâm hướng về bên ngoài bị chi phối, tán loạn; và tâm không tru bên trong, không chấp thủ, nhưng sợ hãi. Nhimg này Tỳ-kheo, hãy quán như thế nào mà sau khi các thầy đã quán như vậy, tâm không hướng về bên ngoài, không bi chi phối, không tán loạn; tâm trú vào bên trong, không chấp thủ, không sợ hãi. Như vậy, các thày không còn sanh, lão, bệnh, tử. Đó là dứt tận sự khổ.5,9 Các vị ấy lại nghĩ rằng: "Chu Hiền, vi nào có thể phân biệt rộng rãi điều mà Thế Tôn đã nói một cách tóm luợrc?" Các vị ấy lại nghĩ: uTôn giả Đại Ca-chiên-diên thường được Thế Tôn và các bậc trí Phạm hạnh tán thán. Như vậy, Tôn giả Đại Ca-chiên-diên có thể phân biệt được điều mà Thế Tôn đã nói một cách tóm lược. Này chư Hiền, hãy cùng nhau đến nơi Tôn giả Đại Ca-chiên-diên, nhờ Tôn giả giải thích điều đó. Nếu Tôn giả Đại Ca-chiên-diên phân biệt cho, chúng ta sẽ khéo thọ trì."

938 KINH TRƯNG A-HÀM

Thế rồi, các Tỳ-kheo cùng nhau đi đến chỗ Tôn giả Đại Ca-chiên-diên? cùng chào hỏi nhau rồi ngồi qua một bên thưa: Thưa Tôn giả Đại Ca-chiên-diên, nên biết cho rằng, đức Thế Tôn nói điều này một cách tóm lược, không phân biệt rộng rãi, liên từ chô ngôi đứng dậy, vào phòng tĩnh tọa. Thế Tôn chỉ nói rằng: "Này các Tỳ-kheo, quán như thế nào mà sau khi các thây quán như vậy, tâm hướng vê bên ngoài bị chi phôi, tán loạn; và tâm không trú bên trong, không chấp thủ, nhưng sợ hãi. Nhimg này Tỳ-kheo, hãy quán như thế nào mà sau khi các thầy đã quán như vậy, tâm không hướng về bên ngoài, không bị chi phối, tán loạn; tâm trú bên trong, không chấp thủ, không sợ hãi.

Như vậy, các thầy không còn sanh, lão, bệnh, tử nữa. Đó là dứt tận sự kh6." Chúng tôi đã nghĩ rằng: "Chu Hiền, vị nào có thể phân biệt được điều mà Thế Tôn đã nói một cách tóm luge?" Chúng tôi lại nghĩ: “T6n giả Đại Ca-chiên-diên thường được Thế Tôn và các bậc Phạm hạnh có trí tán thán. Như vậy, Tôn giả Đại Ca-chiên-diên có thể phân biệt được điều mà Thế Tôn đã nói một cách tóm lược.,^ Mong Tôn giả Đại Ca-chiên-diên thương xót mà phân biệt rộng rãi cho. Bấy giờ, Tôn giả Đại Ca-chiên-diên nói: Này chư Hiền, hãy nghe tôi nói thí dụ, người có trí nghe thí dụ thì sẽ hiểu được nghĩa. Này chư Hiên, cũng như người muôn tìm lõi cây. Vì muôn tìm lõi cây nên xách búa vào rừng. Người ây thây cây đại thọ có đủ góc, thân, cành, nhánh, lá, hoa và lõi. Người ấy không đốn gốc, thân, cành và lõi mà chỉ chặt nhánh và lá thôi. Điều chư Hiền nói ra cũng lại như vậy. Đức Thế Tôn còn đó mà chư Hiền lại bỏ đi tìm tôi để hỏi về điều ấy. Vì sao? Chư Hiền, nên biết, Thế Tôn là bậc Có Mắt, Có Trí, Có Nghĩa, là vị Pháp Chủ, vị Pháp tướng của Pháp, nói nghĩa chân dế, hiển hiện tất cả các nghĩa, đều do Thế Tôn. Này chư Hiền, hãy đến chỗ Thế Tôn mà hỏi điều đó như thế này^ "Bạch Thế Tôn, điều đó thế nào? Điều đó có nghĩa gi?” Đức Thế Tôn dạy thế nào, chư Hiền nên khéo léo thọ trì thế ấy. Nghe thế, các Tỳ-kheo thưa: Xin vâng, thưa Tôn giả Đại Ca-chiên-diên! Đức Thế Tôn là bậc Có Mắt, Có Trí, Có Nghĩa, là vị Pháp Chủ, vị Pháp tướng của Pháp, nói nghĩa chân đế, hiên hiện tát cả các nghía, đêu do The Ton. Chung toi đang lẽ phai đên chô Thê Tôn mà hỏi về điều đó như thế này: "Bạch Thế Tôn, điều đó thế nào? Điều đó có nghĩa gi?" Đức Thế Tôn nói như thế nào, chúng tôi sẽ khéo thọ trì thế ấy. Nhưng Tôn giả Đại Ca-chiên-diên thường được Thế Tôn và các bậc trí Phạm hạnh tán thán. Như vậy, Tôn giả có thể phân biệt được điều mà Thế Tôn đã nói một cách tóm lược. Mong Tôn giả Đại Ca-chiên-diên thương xót mà giải thích rộng rãi cho!

164. KINH PHÂN BIỆT QUÁN PHÁP 939

Nghe vậy, Tôn giả Đại Ca-chiên-diên nói: Này chư Hiền, vậy hãy nghe tôi nói! Này chư Hiền, thế nào là tâm Tỳ- kheo hướng ra bên ngoài, bị chi phoi, tán loạn? Chư Hiền, với con mắt, Tỳ-kheo thấy sắc, thức chạy theo sắc tướng, thức đắm trước sắc lạc tướng, thức bị trói buộc bởi sắc lạc tướng; vị ấy bị vị của sắc tướng cột chặt tâm nên hướng ra bên ngoài, bị chi phối, tán loạn. Cũng vậy, tai, mũi, lưỡi, thân, ý; với ý, vị ấy nhận thức pháp, thức chạy theo pháp tướng, thức đam trước pháp lạc tướng, thức bị trói buộc bởi pháp lạc tướng; vi ấy bị vị của pháp lạc tướng cột chặt tâm nên hướng ra bên ngoài, bị chi phối, tán loạn. Này chư Hiền, như vậy gọi là tâm Tỳ-kheo hướng ra bên ngoài, bị chi phôi, tán loạn. Này chư Hiền, thế nào gọi là tâm Tỳ-kheo không hướng ra ngoài, không bi chi phôi, tán loạn? Này chư Hiên, với con mat, Tỳ-kheo thây sác, thức không chạy theo sắc tướng, thức không đắm trước sắc lạc tướng, thức không bi trói buộc bởi sắc lạc tướng; vị ấy không bị vị của sắc lạc tướng cột chặt tâm nên không hướng ra bên ngoài, không bị chi phối, tán loạn. Cũng vậy, tai, mũi5 lưỡi, thân, ý; với ý, Tỳ-kheo nhận thức pháp, thức không chạy theo pháp tướng, thức không đắm trước pháp lạc tướng, thức không bi trói buộc bởi pháp lạc tướng; vị ấy không bị vi của pháp lạc tướng cột chặt tâm nên không hướng ra bên ngoài, không bị chi phối, tán loạn. Này chư Hiền, như vậy gọi là tâm Tỳ-kheo không hướng ra ngoài, không bị chi phối, tán loạn. Này chư Hiền, thế nào là tâm Tỳ-kheo không trú vào bên frong? Này chư Hiền, Tỳ-kheo ly dục, ly pháp

ác, bất thiện, có giác có quán, có hỷ lạc do ly dục phát sanh, chứng đắc Thiền thứ nhất, thành tựu an trú. Nhưng thức của vị ấy đăm trước ở vị của ly dục, y nơi đó, trú nơi đó, duyên nơi đó, găn chặt nơi đó nên thức không trú vào bên trong. Lại nữa, này chư Hiền, Tỳ-kheo giác quán đã dứt, nội tĩnh nhất tâm, không giác không quán, có hỷ lạc do đinh phát sanh, đắc Thiền thứ hai, thành tựu an trú. Nhưng thức của vị ấy đắm trước nơi vi của định, y vào đó, trú vào đó, duyên vào đó, gắn chặt vào đó nên thức của vị ấy không trú vào bên trong. Lại nữa, này chư Hiên, Tỳ-kheo ly hỷ dục, an trú xả, vô câu, với chánh niệm, chánh trí, thân cảm giác lạc, điều mà bậc Thánh gọi là "xả niệm lạc trú", đắc Thiền thứ ba, thành tựu an trú. Nhưng thức của vị ấy trú trước vào vi của ly hy, y vào đó, tru vào đó, duyên vào đó, gắn chặt vào đó nên thức của vị ấy không trú vào bên trong. Lại nữa, này chư Hiền, Tỳ-kheo diệt lạc, diệt khổ, diệt ưu hỷ trước kia, không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh, đắc Thiền thứ tư, thành tựu an trú. Nhưng thức của vi ấy trú trước vào vị của xả và của niệm thanh tinh, y vào đó, trú vào đó, duyên vào đó, gắn chặt vào đó nên thức không trú vào bên trong. Lại nữa, này chư Hiền, Tỳ-kheo vượt qua mọi sắc tưởng, diệt hữu đối tưởng, không tư duy đến các loại tưởng sai khác, nhập Vô lượng không, Vô

lượng không xứ, thành tựu và an trú. Nhimg thức của vị ấy trú trước vào vị của Không trí, y vào đó, trú vào đó, duyên vào đó, gắn chặt vào đó nên thức không trú vào bên trong. Lại nữa, này chư Hiền, Tỳ-kheo vượt qua tất cả Vô lượng không xứ, nhập Vô lượng thức, Vô lượng thức xứ, thành tựu an trú. Nhưng thức của vi ấy tru trước vào vị của Thức trí, y vào đó, trú vào đó, duyên vào đó, gắn chặt vào đó nên thức không tru vào bên trong. Lại nữa, này chư Hiền, Tỳ-kheo vượt qua tất cả Vô lượng thức xứ, nhập Vô sở hữu xứ, thành tựu an tru. Nhưng thức của vị ấy trú trước vào vị của Vô sở hữu trí, y vào đó, trú vào đó, duyên vào đó, gắn chặt vào đó nên thức không tru vào bên trong. Lại nữa, này chư Hiền, Tỳ-kheo vượt qua tất cả Vô sở hữu xứ, nhập Phi hữu tưởng phi vô tưởng, thành tựu an trú. Nhưng thức của vị ấy trú trước vào vi của Vô tưởng trí, y vào đó, trú vào đó, duyên vào đó? gắn chặt vào đó nên thức không tru vào bên trong. Này chư Hiên, như vậy gọi là tâm Tỳ-kheo không trú vào bên trong. Này chư Hiền, thế nào là tâm Tỳ-kheo trú vào bên trong? Chư Hiền, Tỳ- kheo ly dục, ly pháp ác, bất thiện, có giác có quán, có hỷ lạc do ly dục sanh, đắc Thiên thứ nhát, thành tựu an trú. Thức vị ây không trú trước vào vị của ly dục, không y vào đó, không trú vào đó, không duyên vào đó, không gắn chặt vào đó nên thức tru vào bên trong. Lại nữa, chư Hiền, Tỳ-kheo giác quán đã dứt, nội tĩnh nhất tâm, không giác không quán, có hỷ lạc do định sanh, đắc Thiền thứ hai, thành tựu an trú. Thức . .c : vị ây không trú trước vào vị của định, không y vào đó, không tru vào đó, không duyên vào đó, không gan chặt vào đó nên thức tru vào bên trong. Lại nữa, này chư Hiền, Tỳ-kheo ly hỷ dục, an tru xả, vô cầu, chánh niệm, chánh trí, thân cảm giác lạc, điều mà bậc Thánh gọi là "x niệm lạc trú", đắc Thiên thứ ba, thành tựu an tru. Thức vi áy không trú trước vào vi của ly hỷ, không y vào đó, không tru vào đó, không duyên vào đó, không gắn chặt vào đó nên thức trú vào bên trong. Lại nữa, Tỳ-kheo diệt khổ, diệt dục, diệt hỷ và ưu có trước kia, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh, đác Thiên thứ tư. Thức của vị ây không trú

trước vào vị xả và vị của niệm thanh tịnh, không y vào đó, không trú vào đó, không duyên vào đó, không gan chặt vào đó nên thức trú vào bên trong. Lại nữa, này chư Hiền, Tỳ-kheo vượt qua tất cả sắc tưởng, diệt hữu đối tưởng, không tư duy đến các loại tưởng sai biệt, nhập Vô lượng không xứ, thành tựu an trú. Thức vị ấy không trú trước vào vị của Không trí, không y vào đó, không tru vào đó, không duyên vào đó, không gắn chặt vào đó nên thức trú vào bên trong.

164. KINH PHÂN BIỆT QUÁN PHÁP 941

Lại nữa, này chư Hiền, Tỳ-kheo vượt qua tất cả Vô lượng không xứ, nhập Vô lượng thức xứ, thành tựu an trú. Thức vị ấy không trú trước vào vị của Thức trí, không y vào đó, không trú vào đó, không duyên vào đó, không gắn chặt vào đó nên thức trú vào bên trong. Lại nữa, này chư Hiền, Tỳ-kheo vượt qua tất cả Vô lượng thức xứ, nhập Vô sở hữu xứ, thành tựu an trú. Thức vi ấy không trú trước vào vị của Vô sở hữu trí, không y vào đó, không tru vào đó, không duyên vào đó, không gắn chặt vào đó nên thức trú vào bên trong. 5 r e Lại nữa, này chư Hiên, Tỳ-kheo vượt qua tát cả Vô sở hữu xứ? nhập Phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ, thành tựu an trủ. Thức vi ấy không trú trước vào vị của Vô tưởng trí, không y vào đó, không tru vào đó, không duyên vào đó, không gắn chặt vào đó nên thức trú vào bên trong. Này chư Hiền, như vậy gọi là tâm Tỳ-kheo trú vào bên trong. Này chư Hiền, thế nào là Tỳ-kheo không chấp thọ nhưng sợ hãi? Chư Hiền, Tỳ-kheo không ly sắc nhiễm, không ly sắc dục, không ly sắc ái, không ly sắc khát. Này chư Hiền, nếu Tỳ-kheo nào không ly sắc nhiễm, không ly sắc dục, không ly sắc ái, không ly sắc khát thì vị ấy muốn được sắc, truy cầu, đắm trước sắc, trú vào sắc, nghĩ rằng: "Sắc chính là ta, sắc là sở hữu của ta.” Khi đã muốn được sác, truy câu sác, đăm trước sác, trú vào sác, nghĩ răng: "Sác chính là ta, sắc là sở hữu của ta" thì thức nắm bắt sắc. Sau khi thức nắm bắt sắc, lúc ấy sắc biến dịch thì thức cũng bị chuyển theo sắc. Khi thức đã bị chuyển theo sắc thì Tỳ-kheo ấy sanh sợ hãi, tâm trú vào trong đó. Nhân vì tâm không biết nên sanh khiếp sợ, lao nhọc, không chấp thủ mà sợ hãi. Cũng vậy, thọ, tưởng, hành, thức; Tỳ-kheo không ly thức nhiễm, không ly thức dục, không ly thức ái, không ly thức khát. Này chư Hiền, nếu Tỳ-kheo nào không ly thức nhiễm, không ly thức dục, không ly thức ái, không ly thức khát thì vi ây muôn được thức, truy câu thức, đắm trước thức, trú vào thức, nghĩ rằng: “Thức chính là ta, thức là sở hữu của ta." Vị ấy khi đã muốn được thức, truy cầu thức, đắm trước thức, trú vào thức, nghĩ rằng: "Thức chính là ta, thức là sở hữu của ta" thì thức nắm bắt thức. Sau khi thức năm bát thức, lúc thức ây biên dịch thì thức cũng bị chuyên theo thức. Sau khi thức đã bị chuyển theo thức, Tỳ-kheo ấy sanh sợ hãi, tâm trú vào trong đó. Nhân vì tâm không biêt nên sanh sợ hãi, lao nhọc, không châp thọ mà sợ hãi. Này chư Hiền, như vậy gọi là Tỳ-kheo không chấp thọ mà sợ hãi. Này chư Hiền, thế nào gọi là Tỳ-kheo không chấp thọ, không sợ hãi? Chư Hiền, là Tỳ-kheo ly sắc nhiễm, ly sắc dục, ly sắc ái, ly sắc khát. Này chư Hiền, nêu Tỳ-kheo nào ly sác nhiêm, ly sác dục, ly sác ái, ly sác khát thì vị ây không muốn được sắc, không truy cầu sắc, không đắm trước sắc, không trú vào sắc, nghĩ rằng: "Sắc không phải là ta, sắc không phải là sở hữu của ta.” Vị ấy đã không muốn được sắc, không truy cầu sắc, không đắm trước sắc, không trú vào sắc, nghĩ rằng: “sắc không phải là ta, sắc không phải là sở hữu của ta" thì thức

không nắm bắt sắc. Khi thức đã không nắm bắt sắc, lúc ấy sắc biến dịch, thức không bi chuyển theo sắc. Thức đã không bị chuyển theo sắc thì vị ấy không sanh sợ hãi, tâm không trú vào trong đó. Nhân vì tâm biết nên không khiếp sợ, không lao nhọc, không chấp thọ, không sợ hãi. Cũng vậy, thọ, tưởng, hành, thức; Tỳ-kheo ly thức nhiễm, ly thức dục, ly thức ái, ly thức khát. Này chư Hiên, nêu Tỳ-kheo nào ly thức nhiêm, ly thức dục, ly thức ái, ly thức khát thì vi ấy không muốn được thức, không truy cầu thức, không đắm trước thức, không tru vào thức, nghĩ rằng: "Thức không phải là ta, thức không phải là sở hữu của ta." Tỳ-kheo ây, khi đã không muôn được thức, không truy câu thức, không đắm trước thức, không trú vào thức, nghĩ rằng: "Thức không phải là ta, thức không phải là của ta' thì thức không nắm bắt thức. Khi thức đã không nắm bắt thức, lúc thức kia biến dịch, thức không bị chuyển theo thức. Khi thức không bị chuyển theo thức, Tỳ-kheo ấy không sanh sợ hãi9 tâm không trú vào trong đó. Nhân vì tâm biết nên không khiếp sợ, không lao nhọc, không chấp thọ, không sợ hãi. Này chư Hiền, như vậy gọi là Tỳ-kheo không chấp thọ, không sợ hãi. Này chư Hiền, đức Thế Tôn nói điều đó tóm lược, không phân biệt rộng rãi, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, vào phòng tĩnh tọa. Ngài chỉ nói rằng: "Này các Tỳ-kheo, quán như thế nào mà sau khi các thầy quán như vậy, tâm hướng ra ngoài, bị chi phối, tán loạn; tâm không an trú vào bên trong, không chấp thọ nhưng sợ hãi. Nhưng này các Tỳ-kheo, hãy quán như thế nào mà sau khi các thầy quán như vậy, tâm không hướng ra bên ngoài, không bi chi phối, tán loạn; tâm trú vào bên trong, không chấp thọ, không sợ hãi. Như vậy, các thầy không còn sanh, lão, bệnh, tử nữa. Đó là dứt tận sự khổ dàu." Đức Thế Tôn đã nói điều ấy tóm lược, không phân biệt rộng rãi như vậy đó. Tôi đã dùng cú này, văn này giải thích rộng rãi như thế. Này chư Hiền, hãy đến trình bày với Thế Tôn đầy đủ. Nếu đức Thế Tôn nói điều đó như thế nào thì chư Hiền thọ trì như thế ấy. Bấy giờ, các Tỳ-kheo ấy nghe Tôn giả Đại Ca-chiên-diên nói như thế, khéo thọ trì, đọc tụng, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đi quanh Tôn giả ấy ba vòng, rồi đi đen cho The Ton, cui đau đanh le? ngoi qua mọt ben ma thưa: Bạch Thế Tôn, sau khi Thế Tôn nói tóm lược về điều đó mà không phân biệt rộng rãi, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, vào thất tĩnh tọa thì Tôn giả Đại Ca- chiên-diên với cú như thế, văn như thế đã giải thích rộng rãi về điều đó. Đức Thế Tôn nghe như vậy, liền tán thán rằng: Lành thay! Lành thay! Trong số đệ tử của Ta, có vi có mắt, có trí, có pháp, có nghĩa. Vì sao? Vì Đạo sư nói điều ấy tóm lược, không phân biệt rộng rãi cho các đệ tử mà đệ tử ấy đã bằng cú như thế, văn như thế để giải thích rộng rãi. Cho nên, những gì mà Đại Ca-chiên-diên đã nói, các thầy hãy thọ trì như vậy. Vì sao? Vì nói và quán nghĩa đúng như vậy. Đức Phật thuyêt như vậy, các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

165. KINH ÔN TUYỀN LÂM THIÊN __ > Tôi nghe như vây: Một thời, Phật du hóa tại thành Vương Xá, trong rừng Trúc Lâm, vườn Ca- lan-đa. Bấy giờ, Tôn giảTam-di-đề cũng đi du hóa ở thành Vương Xá, tại ôn Tuyền lâm. Bấy giờ, đêm gàn tàn, trời sắp sáng, Tôn giả Tam-di-đề từ phòng bước ra, đi đến Ôn Tuyền, cởi y để trên bờ, rồi xuống ho ôn Tuyền mà tắm. Sau khi tắm xong, Tôn giả lên bờ, lấy khăn lau mình và mặc y vào. Bấy giờ, có một vị thiên thần thân hình rất đẹp, sắc tướng uy nghi, nhằm lúc trời

sắp rạng đông, đi đến chỗ Tôn giả Tam-di-đề, cúi đầu đảnh lễ Tôn giả rồi đứng qua một bên. Vị thiên thần đó với sắc tướng uy thần cực diệu, làm sáng chói khắp cả bờ hồ ôn Tuyền. Sau khi đứng qua một bên, thiên thần bạch với Tôn giả Tam-di-đề rằng: Này Tỳ-kheo, thầy có ghi nhớ bài kệ Bạt-địa-la-đế chăng? Tôn giả Tam-di-đề trả lời vị thiên thần kia rằng: -Tôi không có ghi nhớ bài kệ Bạt-địa-la-đế. Rồi Tôn giả hỏi lại thiên thần: Nhưng ngài có ghi nhớ bài kệ Bạt-địa-la-đế chăng? Thiên thần trả lời: Tôi cũng không ghi nhớ bài kệ Bạt-địa-la-đế. Tôn giả Tam-di-đề lại hỏi vị thiên thần kia: Ai ghi nhớ bài kệ Bạt-địa-la-đế? Thiên thần kia đáp: Đức Thế Tôn đang du hóa trong thành Vương Xá này, tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đa; chính Ngài có ghi nhớ bài kệ Bạt-địa-la-đế. Này Tỳ-kheo, thầy nên đến gặp Thế Tôn và từ Ngài mà ghi nhơ và thuộc kỹ, thọ trì bài kệ Bạt-địa-la- đế. Vì sao vậy? Vì bài kệ Bạt-địa-la-đế đó có pháp, có nghĩa, là căn bản của Phạm hạnh, đưa đến trí tuệ, đưa đến giác ngộ và đưa đến Niết-bàn. Một thiện nam tử chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, học đạo, cần phải khéo thọ trì đọc tụng bài kệ Bạt-địa-la-đế này. Thiên thần kia nói như vậy, và sau khi cúi đầu đảnh lễ dưới chân của Tôn giả Tam-di-đề, nhiễu quanh Tôn giả ba vòng rồi biến mất khỏi chỗ đó. Sau khi thiên thần biến không lâu, Tôn giả Tam-di-đề đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ, roi ngôi xuông một bên và bạch:

-Bạch đức Thế Tôn, hôm nay khi trời sắp sáng, con ra khỏi phòng, đi đến hồ Ôn Tuyền kia, cởi y để trên bờ rồi xuống hồ tắm rửa. Sau khi tắm xong, con lên bờ và lau mình. Bấy giờ, có một vị thiên thần thân hình rất đẹp, sắc tướng uy nghi, vào lúc trời sắp sáng, đến chỗ con, cúi đầu đảnh lễ rồi đứng qua một bên. Vi thiên thần ấy, với sắc tướng uy thần cực diệu, làm sáng chói khắp cả bờ hồ Ôn Tuyền. Sau khi đứng qua một bên, nói với con rằng: —Này Tỳ-kheo, thầy có thọ trì bài kệ Bạt-địa-la-đế chăng? Con trả lời thiên thần ấy rằng: Tôi không có thọ trì bài kệ Bạt-địa-la-đế. Rồi con hỏi lại: Ngài có thọ trì bài kệ Bạt-địa-la-đế chăng? Thiên thần trả lời: Tôi cũng không thọ trì bài kệ Bạt-địa-la-đế. Con lại hỏi: -Vậy ai thọ trì bài kệ Bạt-địa-la-đế? Thiên thần trả lời: -Đức Thế Tôn đang du hóa trong thành Vương Xá này, tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đa; chính Ngài thọ trì bài kệ Bạt-địa-la-đế này. Này Tỳ-kheo, thầy nên đến gặp đức Thế Tôn và từ nơi Ngài mà ghi nhớ và thuộc kỹ bài kệ Bạt-địa- la-đế. Vì sao vậy? Vì bài kệ Bạt-địa-la-đế ấy có nghĩa, có pháp, là căn bản của Phạm hạnh, đưa đến trí tuệ, đưa đến giác ngộ và đưa đến Niết-bàn. Một thiện nam tử chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, học đạo, cần phải khéo thọ trì, đọc tụng bài kệ Bạt-địa-la-đế này.” Vị thiên thần kia nói như vậy, và sau khi cúi đầu đảnh lễ dưới chân con, nhiễu quanh ba vòng rồi biến mất khỏi chỗ đó. Đức Thế Tôn hỏi: Này Tam-di-đề, thày có biết vị thiên thần kia từ đâu đến chăng? Vị thiên thần kia tên là gì chăng? Ton gia Tam-di-đê đáp: Bạch Thế Tôn, con không biết vị thiên thần kia từ đâu đến, cũng không biết tên gì. Đức Thế Tôn bảo: Này Tam-di-đề? vị thiên thần kia tên là Chánh Điện, làm tướng quân ở cõi Tam Thập Tam thiên. Khi ấy, Tôn giả Tam-di-đề bạch: -Bạch Thế Tôn, nay thật là đúng lúc! Bạch Thiện Thệ, nay thật là đúng lúc! Nếu Thế Tôn nói cho Tỳ-kheo bài kệ Bạt-địa-la-đế ấy, các Tỳ-kheo sau khi nghe The Ton noi, sẽ ghi nhơ kỹ.

165. KINH ÔN TUYỀN LÂM THIÊN 945

Đức Thế Tôn bảo:
y \
Này Tam-di-đê? hãy nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ nói cho thây nghe!
Tôn giả Tam-di-đề bạch:
- Xin vâng, bạch Thế Tôn!
Bấy giờ, các Tỳ-kheo vâng lời chỉ giáo và lắng nghe. Đức Thế Tôn đọc bài tụng:
Cẩn thận, đừng nghĩ quá khứ,
Tương lai cũng chớ mong câu,
Quá khứ đã qua, đã mất,
Tương lai chưa đến, còn xa.
Hiện tại những gì đang có,
Thì nên quán sát suy tư,
Niệm niệm mong manh, không chắc,
Người trí biết vậy nên tu.
Nếu có làm theo hạnh Thánh,
Ai hay nỗi chết ưu sầu?
r r
Nhát định tránh xa sự chét,
Hiểm nguy, khổ lớn, dứt trừ.
Như vậy thực hành tinh tấn,
Ngày đêm không chút biếng lười,
Vì vậy phải thường tụng đọc,
Bạt-địa-la-đế kệ này.
Sau khi nói bài kệ như vậy, đức Thế Tôn liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đi vào tinh thất và tĩnh tọa.
Lúc bấy giờ, các Tỳ-kheo liền nghĩ rằng: “Này chư Hiền, nên biết đức Thế
Tôn chỉ nói vắn tắt giáo nghĩa, không phân biệt rộng rãi, rồi Ngài liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đi vào tinh thất và nhập định.
Cẩn thận, đừng nghĩ quá khứ,
Tương lai cũng chớ mong cầu,
Quá khứ đã qua, đã mất,
Tương lai chưa đến, còn xa.
Hiện tại những gì đang có,
Thì nên quán sát suy tư,
Niệm niệm mong manh, không chắc,
Người trí biết vậy nên tu.
Nếu có làm theo hạnh Thánh,
Ai hay nỗi chết, ưu sầu?

r r
Nhát định tránh xa sự chét, Hiểm nguy, khổ lớn, dứt trừ.

946 KINH TRUNG A-HÀM

Như vậy thực hành tinh tấn, Ngày đêm không chút biếng lười, Vì vậy phải thường tụng đọc? Bạt-địa-la-đế kệ nay/9 Họ lại nghĩ răng: "Này chư Hiên, ai có thê phân biệt rộng rãi giáo nghĩa mà đức Thế Tôn vừa nói một cách vắn tắt d6?" Rồi họ lại nghĩ như thế này: "Chí có Tôn giả Đại Ca-chiên-diên, thường được đức Thế Tôn và các vị Phạm hạnh có trí khen ngợi. Tôn giả Đại Ca-chiên-diên có thể phân biệt rộng rãi ý nghĩa mà đức Thế Tôn vừa nói cho chúng ta một cách vắn tắt đó. Này chư Hiền, chúng ta hãy cùng nhau đi đến chỗ Tôn giả Đại Ca-chiên-diên, thỉnh cầu ngài nói nghĩa này. Nếu Tôn giả Đại Ca-chiên-diên phân biệt cho chúng ta, chúng ta sẽ khéo thọ tri.” Bấy giờ, các Tỳ-kheo đi đến chỗ Tôn giả Đại Ca-chiên-diên, cùng nhau thăm hỏi roi ngôi xuông một bên và thưa: -Tôn giả Đại Ca-chiên-diên, nên biết giáo nghĩa này mà đức Thế Tôn chỉ nói một cách vắn tắt, chớ không phân biệt rộng rãi, liền từ chỗ ngồi đứng dậy đi vào tịnh thất tĩnh tọa: Cẩn thận, đừng nghĩ quá khứ, Tương lai cũng chớ mong câu, Quá khứ đã qua, đã mất, Tương lai chưa đến, còn xa. Hiện tại những gì đang có, Thì nên quán sát suy tư, Niệm niệm mong manh, không chắc, Người trí biết vậy nên tu. Nếu có làm theo hạnh Thánh, Ai hay nỗi chết ưu sầu? Nhát đinh tránh xa sự chét, Hiểm nguy, khổ lớn, dứt trừ. Như vậy thực hành tinh tấn, Ngày đêm không chút biếng lười, Vì vậy phải thường tụng đọc, Bạt-địa-la-đế kệ này. Chúng tôi mới nghĩ như vầy: "Này chư Hiền, ai có thể phân biệt rộng rãi ý nghĩa mà đức Thế Tôn vừa nói một cách vắn tắt ấy?" Chúng tôi lại nghĩ: "Chỉ có Tôn giả Đại Ca-chiên-diên là người thường được Thế Ton và các bậc Phạm hạnh có trí khen ngợi. Tôn giả Đại Ca-chiên-diên mới có thể phân biệt rộng rãi ý nghĩa mà đức Thế Tôn vừa nói cho chúng tôi một cách vắn t." Cúi xin Tôn giả Đại Ca-chiên-diên vì lòng từ mẫn mà nói nghĩa ấy một cách rộng rãi.

165. KINH ÔN TUYỀN LÂM THIÊN 947

Bấy giờ, Tôn giả Đại Ca-chiên-diên bảo: Này chư Hiên, hãy nghe tôi nói ví dụ này! Nêu người có trí tuệ nghe qua sẽ hiểu ý nghĩa ấy ngay. Này chư Hiên, ví như có người muôn tìm lõi cây. Vì muôn tìm lõi cây nên người kia cầm búa vào rừng. Người ấy thấy một gốc cây đại thọ mà rễ cây, thân cây, cành, nhánh, lá, hoa đã thành sum sê; nhưng không đụng đến cây, thân cây hay cành cây, mà chỉ đụng nhánh và lá. Những điều chư Hiền nói cũng giống như vậy. Thế Tôn đang ở đây, nhirng chư Hiền lại bỏ Ngài, lại đến tôi mà hỏi ý nghĩa ấy. Vì sao vậy? Này chư Hiền, nên biết đức Thế Tôn là bậc Có Mắt, là bậc Có Trí, Ngài là Nghĩa, là Pháp, là Pháp Chủ, Pháp tướng, thuyết chân thật nghĩa, hiển hiện tất cả nghĩa. Do đó, này chư Hiền, hãy đi đến đức Thế Tôn mà hỏi ý nghĩa này rằng: "Bạch Thế Tôn, điều này là thế nào? Điều này có nghĩa là gi?" Sau khi nghe Thế Tôn đã nói, chư Hiền sẽ y theo đó, khéo léo thọ trì. Bay giờ, các Tỳ-kheo lại bạch: Thật vậy, Tôn giả Đại Ca-chiên-diên! Đức Thế Tôn là bậc Có Mắt, là bậc Có Trí, Ngài là Nghĩa, là Pháp Chủ, là Pháp tướng, thuyết chân thật nghĩa, hiển hiện tất cả nghĩa. Đáng lẽ chúng tôi phải đến đức Thế Tôn mà hỏi ý nghĩa này rằng: "Bạch Thế Tôn, điều này là thế nào? Điều này có nghĩa gi?" Sau khi nghe đức Thế Tôn nói, chúng tôi sẽ y theo đó,

khéo léo thọ trì. Nhưng Tôn giả Đại Ca-chiên-diên thường được Thê Tôn và các vị Phạm hạnh có trí khen ngợi. Tôn giả Đại Ca-chiên-diên có thể phân biệt rộng rãi ý nghĩa mà đức Thế Tôn vừa nói vắn tắt. Mong Tôn giả Đại Ca-chiên-diên vì lòng từ mẫn mà nói nghĩa ấy một cách rộng rãi! Tôn giả Đại Ca-chiên-diên bảo các Tỳ-kheo: Này chư Hiền, nếu vậy xin hãy nghe tôi nói. Này chư Hiền, thế nào là Tỳ-kheo truy niệm quá khứ? Này chư Hiền, Tỳ-kheo quả thật có sắc được biết bởi mắt, khả hỷ, khả ý, khả niệm, tâm tương ưng với dục ái sắc, tâm truy tìm nguồn gốc, nguồn gốc tức quá khứ vậy. Vị ấy bị thức quá khứ nhiễm trước dục; do thức nhiễm trước dục, vi ấy hoan lạc; do hoan lạc, vị ấy truy niệm quá khứ. Tai, mũi, lưỡi và thân cũng vậy. Quả thật có pháp được biết bởi y, khả hỷ, khả y, khả niệm, tâm tương img với dục ái pháp, tâm truy tìm nguồn gốc, nguồn gốc tức quá khứ vậy. Vị ấy bi thức quá khứ nhiễm trước dục; do thức nhiễm trước dục, vị ấy hoan lạc; do hoan lạc, vị ấy truy niệm quá khứ. Như vậy, đó là Tỳ-kheo truy niệm quá khứ. Này chư Hiền, sao gọi là Tỳ-kheo không truy niệm quá khứ? Này chư Hiền, Tỳ-kheo quả thật có sắc được biết bởi mắt, khả ý? khả hỷ, khả niệm, tâm tương ưng với dục ái sắc, truy tìm nguồn gốc, nguồn gốc tức quá khứ vậy. Nơi vị ấy, thức quá khứ không bị nhiễm trước dục; do thức không bị nhiễm trước dục nên không hoan lạc nơi đó; do không hoan lạc nơi đó nên không truy niệm quá khứ. Tai, mũi, lưỡi, thân cũng vậy. Quả thật có pháp được biết bởi ý, khả hỷ, khả ý,

khả niệm, tâm tương img với dục ái pháp, tâm truy tìm nguồn gốc, nguồn gốc tức quá khứ vậy. Thức vị ấy không bị nhiễm trước dục; do không nhiễm trước dục nên không hoan lạc nơi đó; do không hoan lạc nơi đó nên không truy niệm quá khứ. Này chư Hiền, như vậy là Tỳ-kheo không truy niệm quá khứ. Này chư Hiền, sao gọi là Tỳ-kheo mong ước vi lai? Này chư Hiền, nếu Tỳ- kheo có nhãn sắc và nhãn thức; đối với vị lai, những gì chưa được thì muốn được, đã được rồi thì tâm mong ước; do tâm mong ước nên hoan lạc nơi đó; do hoan lạc nên mong ước vị lai. Tai, mũi, lưỡi, thân cũng như vậy. Đối với vị lai, những gì chưa được thì muốn được, đã được thì tâm mong ước; do tâm mong ước nên tâm hoan lạc nơi đó; do hoan lạc nên mong ước vi lai. Này chư Hiền, như vậy là Tỳ-kheo mong ước vị lai. Này chư Hiền, sao gọi là Tỳ-kheo không mong ước vị lai? Này chư Hiền, nếu Tỳ-kheo có nhãn sắc và nhãn thức; đối với vị lai, những gì chưa được thì không muốn được, được rồi thì tâm không mong ước; do tâm không mong ước nên không hoan lạc nơi đó; không hoan lạc nơi đó nên không mong ước vị lai. Này chư Hiền, như vậy gọi là Tỳ-kheo không mong ước vị lai. Này chư Hiền, sao gọi là Tỳ-kheo chấp thủ pháp hiện tại? Này chư Hiền, nếu Tỳ-kheo có nhãn sắc và nhãn thức; đối với hiện tại, vị ấy có thức hiện tại bị nhiễm trước dục; do thức bi nhiễm trước dục nên hoan lạc nơi ấy; do hoan lạc nên chấp thủ pháp hiện tại. Tai, mũi, lưỡi, thân cũng vậy. Nếu có ý pháp và ý thức; đối với hiện tại, vị ấy có thức hiện tại bị nhiễm trước dục; do bi nhiễm trước dục nên hoan lạc nơi ấy; do hoan lạc nên chấp thủ pháp hiện tại. Này chư Hiền, như vậy là Tỳ-kheo chấp thủ pháp hiện tại. Này chư Hiền, sao gọi là Tỳ-kheo không chấp thủ pháp hiện tại? Này chư Hiền, nếu Tỳ-kheo có nhãn sắc và nhãn thức; đối với hiện tại, vị ấy có thức hiện tại không bi nhiễm trước dục; do thức không bị nhiễm trước dục nên không hoan lạc nơi đó; do không hoan lạc nên không

chấp thủ pháp hiện tại. Tai, mũi, lưỡi, thân cũng vậy. Nêu có ý pháp và ý thức; đôi với hiện tại, vị ây có thức hiện tại không bi nhiễm trước dục; do thức không bi nhiễm trước dục nên không hoan lạc nơi đó; do không hoan lạc nên không chấp thủ pháp hiện tại. Này chư Hiền, như vậy là Tỳ-kheo không chấp thủ pháp hiện tại. Này chư Hiền, phần này được Thế Tôn nói vắn tắt, không phân biệt một cách rộng rãi, rồi từ chỗ ngồi đứng dậy đi vào tịnh thất tĩnh tọa: Cẩn thận, đừng nghĩ quá khứ, Tương lai cũng chớ mong cầu, Quá khứ đã qua, đã mất, Tương lai chưa đến, còn xa. Hiện tại những gì đang có, Thì nên quán sát suy tư, Niệm niệm mong manh, không chắc,

165. KINH ÔN TUYỀN LÂM THIÊN 949

Người trí biết vậy nên tu. Nấu có làm theo hạnh Thánh, Ai hay nỗi chết ưu sầu? Nhất đinh tránh xa sự chết, Hiểm nguy, khổ lớn, dứt trừ. Như vậy thực hành tinh tấn, Ngày đêm không chút biếng lười, Vì vậy phải thường tụng đọc, Bạt-địa-la-đế kệ này. Phần này được Thế Tôn nói vắn tắt mà không phân biệt một cách rộng rãi. Tôi bằng những câu này, những văn này mà nói một cách rộng rãi như vậy đó. Này chư Hiền, có thể đến trình bày đầy đủ lên đức Phật. Nếu đức Thế Tôn có nói ý nghĩa như thế nào, chư Hiền hãy thọ trì. Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe những lời Tôn giả Đại Ca-chiên-diên nói, khéo léo thọ trì, đọc tụng, rồi từ chỗ ngồi đứng dậy, nhiễu quanh Tôn giả Đại Ca-chiên-diên ba vòng rồi đi ra. Họ đến chỗ đức Phật, cúi đầu đảnh lễ rồi ngồi qua một bên mà bạch: Bạch Thế Tôn, trước đây đức Thế Tôn đã nói điều này vắn tắt, không phân biệt một cách rộng rãi, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đi vào tịnh thất tĩnh tọa. Tôn giả Đại Ca-chiên-diên bằng những câu này, văn này mà nói ý nghĩa một cách rộng rãi. Đức Thế Tôn nghe xong liền khen: Hay thay! Hay thay! Trong đệ tử của Ta, có bậc có mắt, có trí, có pháp, có nghĩa. Vì sao vậy? Tôn sư nói vắn tắt giáo pháp này, không phân biệt một cách rộng rãi; và đệ tử bằng những văn này, những câu này, nói nghĩa ấy một cách rộng rãi. Như những gì Tỳ-kheo Đại Ca-chiên-diên đã nói, các thầy nên như thế mà thọ trì. Vì sao vậy? Vì nói và quán nghĩa nên như vậy. Đức Phật thuyết như vậy, các Tỳ-kheo ấy sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

166. KINH THÍCH TRUNG THIỀN THẤT TÔN Tôi nghe như vầy: Một thời, Đức Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn Cấp Cồ Độc. Bây giờ, Tôn giả Lô-di-cường-kỳ cũng ở giữa những người họ Thích tại thiền thất Vô Sự. Khi ấy, vào lúc trời gần sáng, Ton giả Lô-di-cường-kỳ từ thiền thất kia đi ra chỗ đất trống nằm trong bóng thiền thất, trải ni-sư-đàn lên trên giường, roi ngôi kiêt-già. Bấy giờ, có một vị thiên thần hình dáng rất đẹp, sắc đẹp rực rỡ, vào lúc trời gần sáng, đi đến chỗ Tôn giả Lô-di-cường-kỳ, cúi đầu đảnh lễ, rồi đứng qua một bên. Săc tướng và uy thân của vị trời này rát là thù diệu, ánh sáng chói kháp cả thiên thát. Sau khi đứng qua một bên, vị trời này thưa với Tôn giả Lô-di-cườngkỳ rằng: -Này Tỳ-kheo, ngài có thọ trì bài kệ Bạt-địa-la-đế và ý nghĩa của nó chăng? Tôn giả Lô-di-cường-kỳ frả lời vị thiên thần ấy rằng: -Tôi không có thọ trì bài kệ Bạt-địa-la-đế và cũng không hiểu ý nghĩa của nó. Roi Ton gia hỏi lại: Người có thọ trì bài kệ Bạt-địa-la-đê và ý nghĩa của nó chăng? Thiên thần trả lời: -Tôi có thọ trì bài kệ Bạt-địa-la-đế, nhimg ý nghĩa thì không hiểu. Tôn giả Lô-di-cường-kỳ lại hỏi thiên thần: -Tại sao thọ trì bài kệ Bạt-địa-la-đế mà lại không hiểu

ý nghĩa của nó? Thiên thần đáp: Một thời gian, đức Thế Tôn du hóa trong thành Vương Xá, trú tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đa. Bấy giờ, đức Thế Tôn nói cho các Tỳ-kheo nghe bài kệ Bạt-địa-la-đế như vầy: Cẩn thận, đừng nghĩ quá khứ, Tương lai cũng chớ mong cầu, Quá khứ đã qua, đã mất, Tương lai chưa đến, còn xa.

952 KINH TRƯNG A-HÀM

Hiện tại những gì đang có, Thì nên quán sát suy tư. Niệm niệm mong manh, không chắc, Người trí biết vậy nên tu. Nếu có làm theo hạnh Thánh, Ai hay nỗi chết ưu sầu? Nhất định tránh xa sự chết, Hiểm nguy, khổ lớn, dứt trừ. Như vậy thực hành tinh tấn, Ngày đêm không chút biếng lười, Vì vậy phải thường tụng đọc, Bạt-địa-la-đế kệ này. Này Tỳ-kheo, tôi thọ trì bài kệ Bạt-địa-la-đế như vậy, nhưng mà không lãnh hội được ý nghĩa của nó. Tôn giả Lô-di-cường-kỳ hỏi thiên thần: -Vậy thì ai thọ trì bài kệ Bạt-địa-la-đế và ý nghĩa của nó? Thiên thần kia đáp: Đức Phật du hóa trong nước Xá-vệ5 tại rừng Thắng Lâm, vườn cấp Co Độc. Chính Ngài thọ trì bài kệ Bạt-địa-la-đế và ý nghĩa của nó; Tôn giả có thể đến gặp đức Thế Tôn để thọ trì và đọc tìiuộc bài kệ Bạt-địa-la-đế và ý nghĩa của nó. Vì sao vậy? Vì bài kệ Bạt-địa-la-đế và ý nghĩa của nó có nghĩa, có pháp, là căn bản Phạm hạnh, đưa đến trí tuệ, đưa đến giác ngộ và đưa đến Niết-bàn. Một thiện nam tử, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, học đạo, cần phải thọ trì, đọc thuộc bài kệ Bạt-địa-la-đế và ý nghĩa của nó. Thiên thần ấy nói như vậy. Sau khi cúi đầu đảnh lễ dưới chân Tôn giả Lô-di- cường-kỳ, nhiễu quanh ba vòng rồi biến khỏi chỗ đó. Chẳng bao lâu, sau khi vi thiên thần biến mat, bấy giờ Tôn giả Lô-di-cường-kỳ ? ở giữa dòng họ Thíchca, ba tháng an cư mùa mưa đã qua, khâu vá y cũng đã xong, đắp y, ôm bát đi vào nước Xá-vệ. Tôn giả lần hồi tiến về phía trước, đến nước Xá-vệ? trụ tại rừng Thắng Lâm, trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Tôn giả Lô-di-cường-kỳ đi đến đức Phật, cúi đầu đảnh lễ, rồi ngồi xuống một bên và bạch Phật: Bạch Thế Tôn, một thời gian con trú ở giữa dòng họ Thích, tại thiền thất Vô Sự. Bạch đức Thế Tôn, bây giờ vào lúc trời gần sáng, con từ thiền thất đi ra, đến khoảng đất trống nằm trong bóng đêm của thiền thất, con trải tọa cụ lên trên giường, rồi ngồi kiết-già. Lúc đó, có một vị thiên thần thân hình rất đẹp, sắc txrớng rực rỡ, vào lúc trời gần sáng, đến chỗ con, cúi đầu đảnh lễ9 rồi đứng qua một bên. sắc tướng và uy thần của vi thiên thần này rất là kỳ diệu, ánh sáng làm chói khắp cả thiền thất. Sau khi đứng qua một bên, vị trời này thưa với con rằng: "Này Tỳ-kheo, ngài có thọ trì bài kệ Bạt-địa-la-đế và ý nghĩa của nó

166. KINH THÍCH TRƯNG THIỀN THẤT TÔN 953

chang?^ Con trả lời: "Tôi không có thọ trì bài kệ Bạt-địa-la-đế và cũng không hiểu ý nghĩa của n6." Rồi con hỏi lại: "Ngài có thọ trì bài kệ Bạt-địa-la-đế và ý nghĩa của nó chang?99 Thiên thần trả lời: "Tôi có thọ trì bài kệ Bạt-địa-la-đế nhưng không hiểu ý nghĩa của n6." Con lại hỏi: "Tại sao ông thọ trì bài kệ Bạt- địa-la-đế mà không hiểu ý nghĩa của n6?" Thiên thần trả lời: uMột thời gian, đức Phật du hóa tại thành Vương Xá, trú tại Trúc Lâm, trong vườn Ca-lan-đa. Bấy giờ, đức Thế Tôn nói cho các Tỳ-kheo nghe bài kệ Bạt-địa-la-đế như vầy: Cẩn thận, đừng nghĩ quá khứ, Tương lai cũng chớ mong cầu, Quá khứ đã qua, đã mất, Tương lai chưa đến, còn xa. Hiện tại, những gì đang có,

Thì nên quán sát suy tư, Niệm niệm mong manh, không chắc, Người trí biết vậy nên tu. Nếu có làm theo hạnh Thánh, Ai hay nỗi chết ưu sầu? Nhất định tránh xa sự chết, Hiểm nguy, khổ lớn, dứt trừ. Như vậy thực hành tinh tấn, Ngày đêm không chút biếng lười, Vì vậy, phải thường tụng đọc, Bạt-địa-la-đế kệ này. Này Tỳ-kheo, tôi thọ trì bài kệ Bạt-địa-la-đế như vậy, nhưng không thọ trì ý nghĩa của nQ." Con lại hỏi: "vay ai thọ trì bài kệ Bạt-địa-la-đế và ý nghĩa của n6?" Thiên thần trả lời: "Đức Phật du hóa trong nước Xá-vệ, rừng Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc. Chírứi Ngài là người thọ trì bài kệ Bạt-địa-la-đế và ý nghĩa của nó. Tôn giả có thể đến gặp Thế Tôn để khéo thọ trì và đọc thuộc bài kệ Bạt- địa-la-đế và ý nghĩa của nó. Vì sao vậy? Vì bài kệ Bạt-địa-la-đế và ý nghĩa của nó có nghĩa, có pháp, là căn bản Phạm hạnh, đưa đên trí tuệ, đưa đên giác ngộ và đưa đến Niết-bàn. Một thiện nam tử, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, học đạo, cần phải thọ trì, đọc thuộc bài kệ Bạt-địa-la-đế và ý nghĩa của n6." Thiên thần kia nói như vậy rồi, cúi đầu đảnh lễ dưới chân con, nhiễu quanh ba vòng rồi liền biến mất. Khi ấy, đức Thế Tôn hỏi Tôn giả Lô-di-cường-kỳ rằng: Thầy biết vị thiên thần kia từ đâu đến chăng? Vị thiên thần kia tên là gì chăng? Tôn giả Lô-di-cường-kỳ trả lời: Bạch đức Thế Tôn, con không biết vị thiên thần kia từ đâu tới, cũng không biết tên vi ấy là gì.

954 KINH TRUNG A-HÀM

Đức Thế Tôn bảo rằng: Này Cường-kỳ, vị thiên thần kia tên là Ban-na, làm tướng quân cõi trời Tam Thập Tam. Lúc ấy, Tôn giả Lô-di-cường-kỳ bạch: —Bạch Thế Tôn, nay thật đúng lúc! Bạch Thiện Thệ, nay thật đúng lúc! Nếu Thế Tôn nói cho các Tỳ-kheo nghe bài kệ Bạt-địa-la-đế và ý nghĩa của nó, các Tỳ-kheo sau khi nghe xong, sẽ khéo thọ trì. Đức Thế Tôn bảo: Này Cường-kỳ? hãy nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ nói ý nghĩa bài kệ một cách rộng rãi cho ông nghe! Tôn giả Lô-di-cường-kỳ bạch: Xin vâng, con xin nghe theo lời dạy! Phật nói kệ: Cẩn thận, đừng nghĩ quá khứ, Tương lai cũng chớ mong cầu, Quá khứ đã qua, đã mất, Tương lai chưa đến, còn xa. Hiện tại, những gì đang c6, Thì nên quán sát suy tư, Niệm niệm mong manh, không chắc, Người trí biết vậy nên tu. Nếu có làm theo hạnh Thánh, Ai hay nỗi chết ưu sầu? Nhát định tránh xa sự chét, Hiêm nguy, khô lớn, dứt trừ. Như vậy thực hành tinh tấn, Ngày đêm không chút biếng lười, Vì vậy, phải thường tụng đọc, Bạt-địa-la-đế kệ này. Này Cường-kỳ, thế nào là Tỳ-kheo truy niệm quá khứ? Nếu Tỳ-kheo hoan lạc sác quá khứ thì sẽ bi chi phôi bởi dục, bị đăm trước, bị níu giữ lại trong đó. Nêu hoan lạc giác, tưởng, hành, thức quá khứ thì sẽ bị chi phôi bởi dục, bi đăm trước, bi níu giữ lại trong đó. Như vậy, là Tỳ-kheo truy niệm quá khứ. Này Cường-kỳ, thế nào là Tỳ-kheo không truy niệm quá khứ? Nếu Tỳ-kheo không hoan lạc sắc quá khứ thì sẽ không bi dục chi phối, không đắm trước, không bị níu giữ lại trong đó. Nếu không hoan lạc giác, tưởng, hành, thức quá khứ thì sẽ không bi dục chi phối, không đắm trước, không bị níu giữ lại trong đó. Như vậy gọi là Tỳ-kheo không truy niệm quá khứ.

166. KINH THÍCH TRƯNG THIỀN THẤT TÔN 955

Này Cường-kỳ, thê nào là Tỳ-kheo mong câu tương lai? Nêu Tỳ-kheo hoan lạc sác tương lai thì sẽ bị chi phôi bởi dục, bị đăm trước, bị níu giữ trong đó. Nếu hoan lạc giác,

tưởng, hành, thức tương lai thì sẽ bị chi phối bởi dục, bị đắm trước, bị níu giữ trong đó. Như vậy gọi là Tỳ-kheo mong cầu tương lai. Này Cường-kỳ, sao gọi là Tỳ-kheo không mong câu tương lai? Nêu Tỳ- kheo không hoan lạc sắc ở tương lai thì sẽ không bị chi phoi bởi dục, không bị đắm trước, không bi níu giữ trong đó. Nấu không hoan lạc giác, tưởng, hành, thức tương lai thì sẽ không bi chi phối bởi dục, không bị đắm trước, níu giữ trong đó. Này Cường-kỳ, thế nào gọi là Tỳ-kheo chấp thọ pháp hiện tại? Nếu Tỳ-kheo hoan lạc sắc ở hiện tại thì bị chi phối bởi dục, bi đắm trước, bị níu giữ trong đó. Hoan lạc giác, tưởng, hành, thức ở hiện tại thì bị chi phối bởi dục, bi đắm trước, bị níu giữ trong đó. Như vậy gọi là Tỳ-kheo chấp thọ pháp hiện tại. Này Cường-kỳ, thế nào là Tỳ-kheo không chấp thọ pháp hiện tại? Nấu Tỳ- kheo không hoan lạc sắc hiện tại thì không bị chi phối bởi dục, không bị đắm trước, không bị níu giữ trong đó. Nếu không hoan lạc giác, tưởng, hành, thức hiện tại thì không bị chi phối bởi dục, không bi đắm trước, không bị níu giữ trong đó. Như vậy gọi là Tỳ-kheo không chấp thọ pháp hiện tại. Phật nói như vậy, Tôn giả Lô-di-cường-kỳ và các Tỳ-kheo nghe Phật nói xong, hoan hỷ phụng hành.

167. KINH A-NAN THUYET Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Tôn giả A-nan nói bài kệ Bạt-địa-la-đế và ý nghĩa của nó cho các Tỳ-kheo đang tụ họp tại giảng đường vào lúc ban đêm. Bấy giờ, đêm đã qua, trơi hừng sáng, có một Tỳ-kheo đi đến chỗ đức Phật, cúi đầu đảnh lễ, rồi ngồi xuống một bên và bạch Phật: Bạch đức Thế Tôn, Tôn giả A-nan có nói bài kệ Bạt-địa-la-đế và ý nghĩa của nó cho các Tỳ-kheo tụ tập tại giảng đường vào lúc ban đêm. Nhân đó, đức Thế Tôn bảo một Ty-kheo: Thầy hãy đi đến chỗ của Tỳ-kheo A-nan và nói như vầy: "Thua Tôn giả A-nan, đức Thế Tôn gọi Tôn gia!" Vị Tỳ-kheo kia vâng lời dạy của Thế Tôn, từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ dưới chân Phật, nhiêu ba vòng roi đi đên chô của Tôn giả A-nan và nói: The Ton gọi Ton gia A-nan. Tôn giảA-nan liền đến chỗ đức Phật, cúi đầu đảnh lễ, rồi đứng qua một bên. Đức Thế Tôn hỏi A-nan: Này A-nan, có quả thật thầy nói bài kệ Bạt-địa-la-đế cho các Tỳ-kheo tụ họp tại giảng đường vào lúc ban đêm chăng? Tôn giả A-nan đáp: - Thật vậy, bạch Thế Tôn! Đức Thế Tôn hỏi: Này A-nan, thầy nói bài kệ Bạt-địa-la-đế và ý nghĩa của nó cho các thầy Tỳ-kheo nghe như thế nào? Tôn giả A-nan liền thưa: Cẩn thận, đừng nghĩ quá khứ, Tương lai cũng chớ mong cầu, Quá khứ đã qua, đã mất, Tương lai chưa đến, còn xa. Hiện tại những gì đang có, Thì nên quán sát suy tư,

Niệm niệm mong manh, không chắc, Người trí biết vậy nên tu. Nếu có làm theo hạnh Thánh, Ai hay nôi chét ưu sâu? Nhất định tránh xa sự chết, Hiểm nguy, khổ lớn, dứt trừ. Như vậy thực hành tinh tấn, Ngày đêm không chút biếng lười, Vì vậy phải thường tụng đọc, Bạt-địa-la-đế kệ này. Đức Thế Tôn lại hỏi A-nan: Này A-nan, thế nào là Tỳ-kheo truy niệm quá khứ? Tôn giả A-nan trả lời: Bạch Thế Tôn, nếu Tỳ-kheo hoan lạc ở sắc quá khứ thì sẽ bị chi phối bởi dục, bị đắm trước, bị níu giữ lại trong đó. Nếu hoan lạc giác, tưởng, hành, thức quá khứ thì sẽ bi chi phối bởi dục, bi đắm trước, bị níu giữ lại trong đó. Như vậy gọi là Tỳ-kheo truy niệm quá khứ. Thế Tôn lại hỏi: -Này

A-nan, thế nào là Tỳ-kheo không truy niệm quá khứ? Tôn giả A-nan đáp: - Bạch Thế Tôn, nếu Tỳ-kheo không hoan lạc sắc quá khứ thì sẽ không bị dục chi phối, không đắm trước, không bị níu giữ trong đó. Nếu không hoan lạc giác, tưởng, hành, thức quá khứ thì sẽ không bị dục chi phối, không đắm trước, không bị níu giữ trong đó. Như vậy gọi là Tỳ-kheo không truy niệm quá khứ. Thế Tôn lại hỏi: Này A-nan, thế nào là Tỳ-kheo mong cầu tương lai? Tôn giả A-nan đáp: - Bạch Thế Tôn, nếu Tỳ-kheo hoan lạc ở sắc tương lai thì sẽ bị chi phối bởi dục, bị đắm trước, bi níu giữ trong đó. Nếu hoan lạc giác, tưởng, hành, thức tương lai thì sẽ bi chi phối bởi dục, bi đắm trước, bi níu giữ trong đó. Như vậy gọi là Tỳ-kheo mong cầu tương lai. Thế Tôn lại hỏi: Này A-nan? thế nào là Tỳ-kheo không mong cầu tương lai? Tôn giả A-nan đáp: -Bạch Thế Tôn, nếu Tỳ-kheo không hoan lạc sắc ở tương lai thì sẽ không bị chi phối bởi dục, không bị đắm trước, không bi níu giữ trong đó. Không hoan lạc giác, tưởng, hành, thức tương lai thì sẽ không bi chi phối bởi dục, không bị đắm trước, không bị níu giữ trong đó. Như vậy gọi là Tỳ-kheo không mong cầu tương lai.

167. KINH A-NAN THUYẾT 959

Thế Tôn lại hỏi: Này A-nan? thế nào là Tỳ-kheo chấp thọ pháp hiện tại? Tôn giả A-nan đáp: Bạch Thế Tôn, nếu Tỳ-kheo hoan lạc sắc ở hiện tại thì bi chi phối bởi dục, bi đăm trước, bị níu giữ trong đó. Nêu hoan lạc giác, tưởng, hành, thức ở hiện tại thì bị chi phôi bởi dục, bị đăm trước, bị níu giữ trong đó. Như vậy gọi là Tỳ- kheo chấp thọ pháp hiện tại. Thế Tôn lại hỏi: Này A-nan, thế nào là Tỳ-kheo không chấp thọ pháp hiện tại? Tôn giả A-nan đáp: -Bạch Thế Tôn, nếu Tỳ-kheo không hoan lạc sắc ở hiện tại thì không bị chi phối bởi dục, không bi đắm trước, không bị níu giữ trong đó. Nếu không hoan lạc giác, tưởng, hành, thức hiện tại thì không bị chi phối bởi dục, không bị đắm trước, không bi níu giữ trong đó. Như vậy gọi là Tỳ-kheo không chấp thọ pháp hiện tại. Bạch Thế Tôn, con đã nói bài kệ Bạt-địa-la-đế và ý nghĩa của nó cho các Tỳ-kheo tụ họp tại giảng đường vào lúc ban đêm như vậy. Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Lành thay! Lành thay! Đệ tử Ta có người có mắt, có trí, có nghĩa, có pháp. Vì sao vậy? Vì là đệ tử, ngay trước mặt Tôn Sư, mà diễn rộng ý nghĩa của văn cú như vậy. Đúng như những gì Tỳ-kheo A-nan đã nói, các thay hãy nên như vậy mà thọ trì. Vì sao vậy? Lời nói và quán nghĩa đó phải như vậy. Phật thuyết như vậy, Tôn giảA-nan và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết xong, hoan hỷ phụng hành.

168. KINH Ý HÀNH Tôi nghe như vây: Một thời, Phật du hóa nước Xá-vệ? tại Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Nay Ta sẽ nói pháp cho các thầy nghe, vi diệu ở đoạn dầu, vi diệu ở đoạn giữa và đoạn cuối cũng vi diệu, có văn, có nghĩa, đầy đủ, thanh tinh, hiển hiện Phạm hạnh. Đó là Kinh Phân biệt ỷ hành về sự thọ sanh theo ý hành. Hãy lắng nghe, hãy suy nghĩ kỹ! Bây giờ, các Tỳ-kheo vâng lời lăng nghe. Phật dạy: Sao gọi là sự tái sanh do ý hành đưa tới? Nếu các Tỳ-kheo ly dục, ly ác, bất thiện pháp, có giác, có quán, được hỷ lạc do ly dục sanh, chứng được Thiền thứ nhất, thành tựu an tru. Vi ấy đối với định này, an lạc tru ở đó. Vi ấy đối với đinh kia đã ham muốn tru ở đó, tất có trường hợp này: Tru vào đó, khoái lạc trong đó, mạng chung sanh trong cõi trời Phạm thiên. Chư thiên trên cõi Phạm thiên, sanh ở đó,

tru ở đó, thọ hưởng hỷ lạc do ly dục sanh và Tỳ-kheo trú ở đây mà nhập Thiền thứ nhất, thọ hưởng hỷ lạc do ly dục sanh. Hai hỷ lạc do ly dục sanh không có sai khác, cả hai đều bằng nhau. Vì sao vậy? Vì trước tiên tu hành định ấy, sau đó mới sanh vào chỗ ấy. Đối với đinh này, vị ấy tu tập như vậy, phát triển như vậy, sẽ sanh vào trong cõi Phạm thiên. Như vậy là ý hành sanh. Lại nữa, Tỳ-kheo giác, quán đã tịch tĩnh, nội tĩnh nhát tâm, không giác, không quán, chứng Thiền thứ hai, thành tựu an trú. Đối với đinh lực này, vị ấy an lạc muốn trú ở đó. Đối với định này, khi đã trú ở đó, tất có trường hợp này: Trú nơi đó, khoái lạc nơi đó, mạng chung sanh vào cõi ười Hoảng Dục. Chư thiên cõi Hoảng Dục sanh ở đó? trủ ở đó, thọ hưởng hỷ lạc do định sanh và Tỳ- kheo trú ở đây nhập Thiền thứ hai, thọ hưởng hỷ lạc do đinh sanh. Hai hỷ lạc do định sanh này, không có sai khác, cả hai đều đồnệ nhau. Vì sao vậy? Vì trước tiên hành ấy phải đinh, sau đó mới sanh vào chỗ ẩy. Đối với định này, vị ấy tu như vậy, tập như vậy, phát triển như vậy, sẽ sanh trong cõi trời Hoảng Dục. Như vậy gọi là ý hành sanh. Lại nữa, Tỳ-kheo ly hỷ dục, xả, vô cầu, an trú chánh niệm, chánh trí, thân cảm giác lạc, điêu mà bậc Thánh gọi là Thánh xả niệm lạc tru, chứng được Thiền thứ ba, thành tựu an trú. Đối với định này, vị ấy an lạc muốn trú ở đó. Đối với đinh lạc này, vị kia vui sướng muốn trú ở đó, tất có trường hợp này: Trú

nơi đó, khoái lạc nơi đó, thân hoại mạng chung sanh vào cõi Biến Tinh thiên. Chư thiên trên cõi Biến Tịnh thiên sanh ở đó, trú ở đó, nhập Thiền thứ ba này, thọ hưởng diệu lạc do ly hỷ. Diệu lạc do ly hỷ này không có sai khác, cả hai đều giốnệ nhau. Vì sao vậy? Vì trước tiên hành ấy phải định, sau đó mới sanh vào chô ây. Đôi với định này, vị ây tu như vậy, tập như vậy, phát triên như vậy, sẽ sanh trong cõi Biến Tịnh thiên. Như vậy là ý hành sanh. Lại nữa, Tỳ-kheo diệt lạc, diệt khổ, hỷ và ưu vốn có từ trước cũng đã diệt, không kho, không lạc, xả niệm thanh tinh, chứng Thiền thứ tư, thành tựu an trú. Đối với đinh này, vị ấy an lạc muốn tru ở đó. Đối với định này, vi ấy đã vui sướng muốn tru ở đó, tất có trường hợp này: Trú ở đó, khoái lạc ở đó, mạng chung sanh lên cõi trời Quả Thật thiên. Chư thiên trên cõi Quả Thật thiên sanh ở đó, trú ở đó, thọ hưởng diệu lạc do xả niệm thanh tinh; và Tỳ-kheo trú ở đây, nhập Thiền thứ tư, thọ hưởng diệu lạc do xả niệm thanh tinh. Hai diệu lạc do xả niệm thanh tinh này không có sai khác, cả hai đều đồng nhau. Vì sao vậy? Vì trước tiên hành ấy phải định, sau đó mới sanh vào chỗ ấy. Đối với định này, vị ấy tu như vậy, tập như vậy, phát triển như vậy, sẽ sanh trong cõi Quả Thật thiên. Như vậy là ý hành sanh. Lại nữa, Tỳ-kheo vượt qua tát cả săc tưởng, diệt hữu đôi tưởng, không suy niệm bất cứ tưởng nào, nhập Không vô biên, thành tựu an trú Không vô biên xứ. Đối với định lạc này, vị ấy an lạc muốn trú ở đó. Đối với định lạc này khi đã an lạc muốn trú ở đó, tất có trường hợp này: Trú ở đó, khoái lạc ở đó, mạng chung sanh vào trong cõi Vô Lượng Không Xứ thiên. Chư thiên trong cõi Vô Lượng Không Xứ thiên sanh ở trong đó, trú ở đó, thọ hưởng Vô lượng không xứ tưởng; và Tỳ-kheo trú ở đây, thọ hưởng Vô lượng không xứ tưởng. Hai Vô lượng không xứ tưởng này không có sai khác, cả hai đều đồng nhau? Vì sao vậy? Vì trước tiên hành ấy phải định, sau đó mới sanh vào chỗ ấy. Đối với định này, vị ây tu như vậy, tập như vậy, phát triên như vậy sẽ sanh vào cõi Vô lượng không xứ thiên. Như vậy là ý hành sanh.

Lại nữa, Tỳ-kheo vượt qua Vô r lượng không xứ,ĩ nhập Vô lượng / thức, thành r tựu an tru Vô lượng thức xứ. Đôi với đinh này, vị ây an lạc muôn trú ở đó. Đôi với định này, đã vui sướng muốn tru ở đó xong, tất có trường hợp này: Tru ở đó, khoái lạc ở đó, mạng chung sanh vào trong cõi Vô Lượng Thức Xứ thiên. Chư thiên trên cối Vô Lượng Thức Xứ thiên sanh ở đó, trú ở đó, thọ hưởng Vô lượng thức xứ txrởng và Tỳ-kheo trú ở đây, thọ hưởng Vô lượng thức xứ tưởng. Hai Vô lượng thức xứ tưởng này không sai khác, cả hai đều đồng nhau. Vì sao vậy? Vì trước tiên hành ấy phải định, sau đó mới sanh vào chỗ đó. Đoi với định này, vị ây tu như vậy, tập như vậy, phát triên như vậy, sẽ sanh vào Vô Lượng Thức Xứ thiên. Như vậy là ý hành sanh. Lại nữa, Tỳ-kheo vượt qua Vô lượng thức xứ, nhập Vô sở hữu, thành tựu an trú Vô sở hữu xứ. Đoi với đinh này, vị ấy an lạc muốn trú ở đó. Đoi với định

này, khi vui sướng muốn trú ở đó, tất có trường hợp này: Tru ở d6, khoái lạc ở đó, mạng chung sanh vào trong cối Vô Sở Hữu Xứ thiên. Chư thiên trên cõi Vô Sở Hữu Xứ thiên sanh ở đó, trú ở đó, thọ hưởng Vô sở hữu xứ tưởng và Tỳ-kheo tru ở dây, thọ hưởng Vô sở hữu xứ tưởng. Hai Vô sở hữu xứ tưởng này không có sai khác, cả hai đều đồng nhau. Vì sao vậy? Vì trước tiên hành ấy phải định, sau đó mới sanh vào chô đó. Đôi với đinh này, vi ây tu như vậy, tập như vậy, phát triển như vậy, sẽ sanh vào trong Vô Sở Hữu Xứ thiên. Như vậy là ý hành sanh. Lại nữa, Tỳ-kheo vượt qua tất cả Vô sở hữu xứ tưởng, nhập Phi hữu tưởng phi vô tưởng, thành tựu an trú Phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ. Đối với định này, vị ấy an lạc muốn trú ở đó. Đối với định này, khi đã muốn tru ở đó, tất có trường hợp này: Trú ở đó, khoái lạc ở đó, mạng chung sanh vào trong cõi Phi Hữu Tưởng Phi Vô Tưởng Xứ thiên. Chư thiên trên cõi trời Phi Hữu Tưởng Phi Vô Tưởng Xứ sanh ở đó, trú ở đó, thọ hưởng Phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ tưởng và Tỳ-kheo trú ở đây, thọ hưởng Phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ tưởng. Hai tưởng này không có sai khác, cả hai đều đồng nhau. Vì sao vậy? Vì trước tiên hành ấy phải định, sau đó mới sanh vào chỗ đó. Đối với đinh này, vi ấy tu như vậy, tập như vậy, phát triển như vậy, sẽ sanh vào trong Phi Hữu Tưởng Phi Vô Tưởng Xứ thiên. Như vậy là ý hành sanh. Lại nữa, Tỳ-kheo vượt qua tất cả Phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ tưởng, nhập Tưởng thọ diệt, tự thân tác chứng, thành tựu an trú, do tuệ kiến, đoạn trừ các lậu, chứng đắc tận trí. Trong các định, đinh này được gọi là tối đệ nhất, tối đại, tôi thượng, tôi thăng, tôi diệu. Ví như do bò mà có sữa, do sữa có lạc, do lạc có sanh tô, do sanh tô có thục tô, do thục tô có tô tinh; tô tinh này được gọi là tối đệ nhất, tối dại, tối thượng, tối thắng, tối diệu. Do chứng đắc định này, y nơi định này, tru ở định này, không còn thọ lãnh sự khổ của sanh, già, bệnh, chết. Đồ là dưt tận sự khổ. Phật nói như vậy, các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

169. KINH CÂU-LÂU-SẤU vô TRÁNH Tôi nghe như vây: Một thời, Phật du hóa tại Bà-kỳ-sấu, ở đô ấp Kiếm-ma-sắt-đàm Câu-lâu. Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:
Nay Ta sẽ nói pháp cho các thầy nghe, pháp ấy vi diệu ở phàn đầu, vi diệu ở quảng giữa và đoạn cuối cũng vi diệu, có nghĩa, có văn, đầy đủ thanh tịnh, hiển hiện Phạm hạnh, gọi là Kinh Phân biệt vô tránh. Các thầy hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ! Bây giờ, các

Tỳ-kheo vâng lời lăng nghe. Đức Phật dạy: Đừng nên mong cầu dục lạc, dục lạc là nghiệp vô cùng hèn hạ, là hạnh của phàm phu; cũng đừng mong cầu tự thân khổ hạnh, rất khổ, không phải Thánh hạnh, không tương ung với lợi ích cứu cánh. Xa lìa hai cực đoan này thì có trung đạo, tác thành nhãn, tác thành trí tự tại, tác thành định, đưa đến trí, đưa đến giác ngộ, đưa đến Niết-bàn; có tán thán, có chỉ trích; có sự không tán thán, không chỉ trích mà nói pháp; quyết định trong giới hạn và sau khi đã biết quyết đinh, thường tùy cầu sự lạc nào đã có bên trong; đừng nói lời chê bai sau lưng, cũng đừng đối mặt khen ngợi; nói vừa phải chứ đừng quá giới hạn, tùy theo phong tục địa phương, đừng nói phải, đừng nói quấy. Đó là những vấn đề của Kinh Phân biệt vô tránh. "Bừng nên mong cầu dục lạc, dục lạc là nghiệp vô cùng hèn hạ, là hạnh của phàm phu; cũng đừng mong cầu tự thân khổ hạnh, rất khổ, không phải Thánh hạnh, không tương img với lợi ích cứu cnh”vấn đề này được nói lên với nguyên nhân nào? ở đây, "Bừng nên mong cầu dục lạc, dục lạc là nghiệp vô cùng hèn hạ, là hạnh của phàm phu", sự kiện này được nói là một cực đoan; “cũng đừng mong cầu tự thân khổ hạnh, rất khổ, không phải Thánh hạnh, không tương ưng với lợi ích cứu cWnh”đây là một cực đoan thứ hai. Do bởi sự kiện này mà nói: "Bừng nên mong cầu dục lạc, dục lạc là nghiệp vô cùng hèn hạ, là hạnh của phàm phu; cũng đừng mong cau tự thân kho hạnh, rất kho, không phải Thánh hạnh, không tương ưng với lợi ích cứu canh?9 "Xa lìa hai cực đoan này thì có trung đạo, tác thành nhẫn, tác thành trí tự tại, tác thành định, đưa đến trí, đưa đến giác ngộ, đưa đến Ni&tbàn", vấn đề này được nói lên với những nguyên nhân nào? ở dây, có tám chi Thánh đạo, từ chánh kiến cho đến chánh định, gọi là tám. Do bởi sự kiện này mà nói: "Xa lìa

hai cực đoan này thì có trung đạo, tác thành nhẫn, tác thành trí tự tại, tác thành định, đưa đến trí, đưa đến giác ngộ và đưa đến Niếtbàn." “C6 tán thán, có chỉ trích và có sự không tán thán, không chỉ trích mà thuyết pháp”, vấn đề này được nói lên với nguyên nhân nào? Sao gọi là tán thán? Sao gọi là chỉ trích mà không nói pháp? Nếu có tương ưng với dục, cùng đi với lạc là nghiệp rất hèn hạ, là hạnh của phàm phu, pháp này rất khổ, có phiền lao, có nhiệt não, có ưu sầu thuộc tà hạnh. Vi ấy biết điều đó rồi, tự chỉ trích mình. Vì sao? Vì dục là vô thường, là khổ, là pháp hoại diệt. Do biết dục là vo thường, cho nên pháp ấy nhất thiết có khổ, có phiền lao, có nhiệt não, có ưu sầu, thuộc tà hạnh. Vi ấy đã biết điều này, cho nên tự chỉ trích mình. "Tụ* thân khổ hạnh, rất khổ, không phải Thánh hạnh, không tương ưng với lợi ích cứu cánh." Pháp này có khổ, có phiền lao, có nhiệt não, có ưu sầu thuộc tà hạnh. Vị ấy biết điều đó rồi, tự chỉ trích mình. Vì sao? Vì Sa-môn Phạm chí kia sợ hãi sự khổ nên cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chí tín, từ bỏ gia dinh, sông không gia đình, học đạo. Nhưng Sa-môn Phạm chí này lại ôm ấp khổ này nữa, cho nên vị ấy nhất thiết có kho, có phiền lao, có nhiệt não, có ưu sầu thuộc tà hạnh. Vị ấy đã biết điều này, cho nên tự chỉ trích mình. "Hữu kiết sử không đoạn tận, pháp này có khổ, có phiền lao, có nhiệt não, có ưu sầu, thuộc tà h@nh." Vị ấy biết điều đó rồi, tự chỉ trích mình. Vì sao? Vì nếu người nào hữu kiết sử không đoạn tận thì sự hữu kia cũng không bị đoạn tận, cho nên người đó nhát thiêt có phiên lao, có nhiệt não, có ưu sau, thuộc tà hạnh. Vị ấy đã biết điều này, cho nên tự chỉ

trích mình. “Hữu kiết sử đã đoạn tận, pháp này không có khổ, không phiền lao, không nhiệt não, không ưu sầu, thuộc chárứi hạnh." Vi ấy đã biết điều này rồi, tự tán thán. Vì sao? Vì nếu người nào hữu kiết sử đoạn tận thì sự hữu kia cũng bị đoạn tận, cho nên người đó nhất thiết không khổ, không phiền lao, không nhiệt não, không ưu sầu, thuộc chánh hạnh. Vị ấy đã biết điều đó, cho nên tự tán thán. "Không mong câu sự an lạc bên trong; pháp ây có khô, có phiên lao, có nhiệt não, có ưu sầu, thuộc tà h@nh." Vị ấy biết điêu này rồi? tự chỉ trích mình. Vì sao? Vì nếu người nào không mong cầu sự lạc bên trong, cũng không cầu bên trong, cho nên người đó nhất thiết có khổ, có phiền lao, có nhiệt não, có ưu sầu, thuộc tà hạnh, vị ây biêt điêu này roi, tự chỉ trích mình. "Mong câu sự lạc bên trong, pháp này không có khổ, không có phiền lao, không có nhiệt não, không có ưu sầu, thuộc chánh hạnh.” Vị áy biêt điêu đó, cho nên tự tán thán. Vì sao? Vì nêu người nào mong cầu sự lạc bên trong thì cũng mong cầu bên trong. Cho nên người đó nhất thiết, không có khổ, không có phiền lao, không có nhiệt não, không có ưu sầu, thuộc chánh hạnh. Vi ấy biết điều đó, cho nên tự tán thán. Như vậy là "C6 tán thán, có chỉ trích mà không thuyết pháp.” "Không tán thán, không chỉ trích mà thuyết pháp", sao gọi là "Không tán thán, không chỉ trích mà thuyêt pháp"? Nêu có tương ưng với dục, cùng đi với hỷ lạc, là nghiệp rất hèn hạ, là hạnh của phàm phu thì pháp ấy có khổ, có phiền lao, có nhiệt não, có ưu sầu, thuộc tà hạnh. Vị ấy biết điều này rồi, liền thuyết

pháp. Vì sao? Vị ấy không nói như vầy: uDục là vô thường, là khổ, là pháp hoại d[et." Vi ấy đã biết dục là vô thường, cho nên nhất thiết pháp ấy có khổ, có phiền lao, có nhiệt não, có ưu sầu, thuộc tà hạnh, không thấu đạt pháp này, chỉ có pháp khổ, có phiền lao, có nhiệt não, có ưu sầu thuộc tà hạnh. Vị ấy biết điều đó, cho nên thuyết pháp. "Tịt thân khổ hạnh, rất khổ, không phải Thánh hạnh, không tương ưng với lợi ích cứu cánh.^ Pháp này có khổ, có phiền lao, có nhiệt não, có ưu sầu, thuộc tà hạnh. Vị ấy biết điều này rồi, liền nói pháp. Vì sao vậy? Vị ấy không nói như vầy: "Tự thân khổ hạnh, rất khổ, không phải Thánh hạnh, không tương ưng với lợi ích cứu cánh”vì pháp này có khổ, có phiền lao, có nhiệt não, có ưu sầu, thuộc tà hạnh. Không thấu đạt pháp này, chỉ có pháp khổ5 có phiền lao, có nhiệt não, có ưu sầu, thuộc tà hạnh. Vi ấy biết điều đó cho nên thuyết pháp. Thế nào là hữu kiết sử không đoạn tận? "Hữu kiết sử không đoạn tận, pháp này có khổ, có phiền lao, có nhiệt não, có ưu sầu thuộc về tà hạnh.^, Vi ấy biết điều này rồi, liền thuyết pháp. Vì sao vậy? Vị ấy không nói như vầy: "Nêu người nào hữu kiêt sử không đoạn tận thì sự hữu kia cũng không đoạn tận, cho nên người kia nhất định phải khổ, có phiền lao, có nhiệt não, có ưu sầu, thuộc tà hạnh." Không thấu đạt pháp này, chỉ có pháp khổ, có phiên lao, có nhiệt não, có ưu sâu, thuộc tà hạnh. Vị ây đã biêt điêu đó cho nên thuyết pháp. "Hữu kiết đã đoạn tận, pháp này không có khổ, không có phiền lao, không có nhiệt não, không có ưu sầu, thuộc chánh hạnh." Vị ấy biết điều này thì liền nói pháp. Vì sao? Vị ấy không nói như vầy: “Nếu người nào hữu kiết sử đã đoạn trừ, sự hữu kia cũng đoạn tận, cho nên người ấy nhất thiết không cỏ khổ, không có phiền lao, không có nhiệt não, không có ưu sầu, thuộc chánh hạnh?5 Không thâu đạt pháp này, chỉ có pháp không khô, không có phiên lao, không có nhiệt não, không có ưu sầu, thuộc chánh hạnh. Vị ấy biết điều đó cho nên thuyết pháp. "Không

mong câu sự lạc bên trong”, pháp này có khô, có phiên lao, có nhiệt não, có ưu sầu, thuộc tà hạnh. Vi ấy biết điều này rồi, liền nói pháp. Vì sao vậy? Vị ây không nói như vây: "Nêu người nào không mong câu sự lạc bên trong thì cũng không mong câu bên trong, cho nên người ây nhát thiêt có khô, có phiên lao, có nhiệt não, có ưu sầu, thuộc tà hạnh.,, Không thấu đạt pháp này, chỉ có pháp khô, có phiên lao, có nhiệt não, có ưu sâu, thuộc tà hạnh. Vị áy biêt điêu đó, cho nên thuyết pháp. "Mong cầu sự lạc bên trong", pháp này không có khổ, không có phiền lao, không có nhiệt não, không có ưu sầu, thuộc chánh hạnh. Vi ấy biết điều này rồi, liền thuyết pháp. Vì sao vậy? Vi ấy không nói như vầy: "Nêu người nào có mong câu sự lạc bên trong thì cũng mong câu bên trong, cho nên người đó nhất thiết không có khổ, không có phiền lao, không có nhiệt não, không có ưu sầu, thuộc chánh hạnh.^, Không thấu đạt pháp này, chỉ có pháp không khô, không phiên lao, không nhiệt não, không ưu sâu, thuộc chánh hạnh. Vị ấy biết điều đó cho nên thuyết pháp. Như vậy là "Không tán thán, không chỉ trích mà thuyết pháp", vấn đề đó được nói với nguyên nhân như vậy.

"Quyết định trong giới hạn và sau khi đã biết quyết định, hãy mong cầu sự lạc nào đó đã có bên trong", vấn đề có tán thán, có chỉ trích, không tán thán, không chỉ trích mà thuyết pháp được nói lên với nguyên nhân nào? Có sự lạc không phải sự lạc của bậc Thánh, là sự lạc của phàm phu, là gốc của bệnh, là gốc của ung nhọt, gốc của mũi tên châm chích, có ăn, có sống chết, không đáng tu, không đáng tập, không đáng phát triển. Ta nói điều ấy không nên tu vậy. Có sự lạc của bậc Thánh, là sự lạc của vô dục, sự lạc của ly dục, sự lạc của tịch tĩnh, là lạc của chánh giác, không ăn, không có sông chét nên tu, nên tập, nên phát triển. Ta nói điều ấy nên tu vậy. Sao gọi là "C6 sự lạc không phải sự lạc của bậc Thánh mà là phàm phu lạc, là góc của bệnh, góc của ung nhọt, góc của mũi tên châm chích, có ăn, có sông chét, không nên tu, không nên tập, không nên phát triển. Ta nói điều ấy không nên tu v^y.” Nếu do đặc tính của ngũ dục mà sanh hỷ sanh lạc thì sự lạc ấy là lạc của phàm phu, không phải lạc của bậc Thánh, là góc của bệnh, là góc của ung nhọt, góc của mũi tên châm chích, có ăn, có sông chết, không nên tu, không nên tập, không nên phát triển. Ta nói điều ấy không nên tu vậy. Sao gọi là "C6 lạc của bậc Thánh, là lạc của ly dục, lạc của tịch tĩnh, là lạc của chánh giác, không có ăn, không có sống chết nên tu, nên tập, nên phát triển. Ta nói điều ấy nên tu vRy." Nếu có Tỳ-kheo nào ly dục, ly ác, bất thiện pháp, cho đến, chứng Thiền thứ tư, thành tựu an trú, sự lạc này là lạc của bậc Thánh, sự lạc của vô dục, là lạc của ly dục, là lạc của tịch tinh, là lạc của chánh giác, không ăn, không sông chét nên tu, nên tập, nên phát triên. Ta nói điêu ây nên tu vậy. "Quyết định trong giới hạn, sau khi đã biết quyết định hãy mong cầu sự lạc nào đã có bên trong", van đề này được nói lên với nguyên nhân như vậy. "Không nên nói lời chê bai sau lưng, cũng không nên đối mặt tán thán9\ vấn đề này được nói lên với nguyên nhân nào? Có lời nói chê bai sau lưng không chân thật, hư dối, không tương ưng với lợi ích cứu cánh; cũng có lời nói chê bai sau limg mà chân thật, không hư dối nhưng không tương ưng với lợi ích cứu cánh; có lời nói chê bai sau lưng, chân thật, không hư dối và tương ưng với lợi ích cứu cánh. Trong này, nếu có lời nói chê bai sau lưng, không chân thật, hư dối, không tương ưng với lợi ích cứu cánh; nhất đinh không

nói những lời như vậy. Trong này, nếu có lời nói chê bai sau lưng, mà chân thật, không hư dối, không tương ưng với lợi ích cứu cánh, cũng hãy học đừng nói như vậy. Trong này, nếu có lời nói chê bai sau lưng, chân thật, không hư dối, tương img với lợi ích cứu cánh thì hãy biết thời, chánh trí, chánh niệm để cho thành tựu lời nói ấy. về "Đừng đối mặt tán thán,9 cũng như vậy. uĐừng nói lời chê bai sau lưng, cũng đừng đối mặt khen ngọd", vấn đề này được nói lên với nguyên nhân như vậy. "N6i vừa phải, chứ đừng nói quá giới hạn", vấn đề này được nói lên với nguyên nhân nào? Nói quá giới hạn thì thân phiền nhọc, niệm hay quên, tâm mệt mỏi, tiêng bị hư mà hướng đên trí thì không được tự tại, nói vừa phải thì

thân không phiền nhọc, niệm không ưa quên, tâm không mệt mỏi, tiếng nói không bi hư, hướng đến trí thì được tự tại. "Hãy nói vừa phải, đừng nói quá giới han", vấn đề này được nói lên với nguyên nhân như vậy. uTùy theo phong tục địa phương, đừng nói phải, đừng nói quấy", vấn đề này được nói lên với nguyên nhân nào? Thế nào là thị và phi tùy theo phong tục địa phương? Địa phương này, nhân gian này, sự việc này, hoặc nói là ucái chau" hoặc nói là "cái khay", hoặc nói là "cái 6", hoặc nói là "cái chén", hoặc nói là "(tè d@c"; tùy theo địa phương đó, theo nhân gian đó mà nói là "cái chau", hay nói là ucái khay", hay nói là "cái 6", hay nói la "cái chén,\ hay nói là "đồ d@c." Mỗi nơi tùy theo khả năng mà nói một mực rằng: uĐây là sự thực, ngoài ra là hư dối.95 Như vậy, đó là thi và phi tùy theo phong tục địa phương vậy. Sao gọi là "Tùy theo phong tục địa phương không phải, không quấy?" Địa phương này, nhân gian này, sự việc này, hoặc nói là "cái chau" hoặc nói là "cái khay", hoặc nói là ucái 6", hoặc nói là "cái chen", hoặc nói là Cíđồ dạc." Và ở địa phương kia, nhân gian kia, sự việc kia, hoặc nói là "cái chau" hoặc nói là "cái khay", hoặc nói là "cái 6", hoặc nói là "cái chái", hoặc nói là "đồ đạc.^với sự việc này hay sự việc kia, không tùy khả năng, không nói với một mực rằng: uĐây là sự thật, ngoài ra hư d6i." Như vậy là tùy phong tục địa phương không phải, không quây. “Tùy phong tục địa phương, đừng nói phải, đừng nói quây", vân đê này được nói lên với nguyên nhân như vậy. "Pháp hữu tránh và pháp vô trúnh"sao gọi là pháp hữu trânh, sao gọi là pháp vô tránh? Nêu có tương ưng với dục, cùng đi với hỷ lạc, nghiệp rát hèn hạ, là hạnh phàm phu; pháp này gọi là hữu ứánh. Vì những sự kiện gì mà pháp này gọi là hữu tránh? Vì pháp này có khô, có phiên lao, có nhiệt não, có ưu sâu, thuộc tà hạnh, cho nên pháp này là hữu tránh. Nếu tự thân khổ hạnh, rất khổ, không phải Thánh hạnh, không tương ưng lợi ích cứu cánh thì pháp này gọi là hữu tránh. Vì pháp này có khổ, có phiền lao, có nhiệt não, có ưu sầu, thuộc về tà hạnh, cho nên nói pháp này gọi là hữu tránh. Nêu tự thân khô hạnh, rát khô, không phải Thánh hạnh, không tương ưng lợi ích cứu cánh thì pháp này gọi là hữu tránh. Vì những sự kiện gì mà pháp này là hữu tránh? Vì pháp này có khổ, có phiền lao, có nhiệt não, có ưu sầu, thuộc về tà hạnh, cho nên pháp này là hữu trinh. Xa lìa hai cực đoan ấy, thời có trung đạo, tác thành nhãn, tác thành trí tự tại, thành định đưa đến trí tuệ, đưa đến giác ngộ và Niết-bàn, pháp này là vô tránh. Vì những sự kiện nào mà pháp này là vô tránh? Vì pháp này không khổ, không phiền lao, không nhiệt não, không ưu sầu, thuộc chánh hạnh. Cho nên nói pháp này là vô tránh. Hữu kiết sử mà không đoạn tận, pháp này là

hữu tránh. Vì những sự kiện nào mà nói pháp này là hữu tránh? Vì pháp này có khổ, có phiền lao, có nhiệt não, có ưu sầu, thuộc về tà hạnh nên nói pháp này là hữu tránh. Hữu kiết sử diệt tận, pháp này là vô tránh. Vì những sự kiện nào mà pháp này là vô tránh? Vì pháp này không khô, không phiên lao, không nhiệt

não, không ưu sầu, thuộc chánh hạnh, cho nên pháp này là vô tránh. Không mong cầu nội lạc, pháp ấy là hữu tránh. Vì những sự kiện nào mà gọi pháp ấy là hữu tránh? Vì pháp này có khô, có phiên lao, có nhiệt não, có ưu sâu, thuộc về tà hạnh nên nói pháp này là hữu tránh. Mong cầu ở nội lạc, pháp này là vô tránh. Vì những sự kiện gì mà nói pháp này là vô tránh? Vì pháp này không khô, không phiên lao, không nhiệt não, không ưu sâu, thuộc chánh hạnh, cho nên pháp này là vô tránh. Trong đó, nếu có sự lạc nào không phải là sự lạc của bậc Thánh mà là phàm phu lạc, là góc của bệnh, góc của ung nhọt, góc của mũi tên châm chích, có ăn? có song chết, không nên tu, không nên tập, không nên phát triển. Ta nói pháp ấy không nên tu thì pháp này là hữu tránh. Vì những sự kiện nào mà nói pháp này là hữu tránh? Vì pháp này có khô, có phiên lao, có nhiệt não, có ưu sầu, thuộc tà hạnh, cho nên pháp này là hữu tránh. Trong đó5 nếu có sự lạc nào là lạc của bậc Thánh, lạc của vô dục, lạc do ly dục, lạc của tịch tịnh, của chánh giác, không ăn, không có sông chét nên tu, nên tập, nên phát triên. Ta nói pháp ây nên tu thì pháp này là vô tránh. Vì những sự kiện nào mà nói pháp này là vô tránh? Vì pháp này không khổ, không phiền lao, không nhiệt não, không ưu sầu, thuộc chánh hạnh, cho nên nói pháp này là vô tránh. Trong đó nếu có nói lời chê bai sau lưng mà không chân thật, hư dối, không tương ưng với lợi ích cứu cánh thì pháp này là hữu tránh. Vì những sự kiện nào mà nói pháp này là hữu tránh? Vì pháp này có khô, có phiên lao, có nhiệt não, có ưu sầu, thuộc tà hạnh, cho nên nói pháp này là hữu tránh. Trong đó, nếu có nói lời chê bai sau lưng mà chân thật, không hư dối, không tương ưng với lợi ích cứu cánh thì pháp ấy là hữu tránh. Vì những sự kiện nào mà nói pháp này là hữu tránh? Vì pháp này là khô9 phiên lao, nhiệt não, ưu sâu, thuộc tà hạnh, cho nên nói pháp này là hữu tránh. Trong đó, nếu có nói lời chê bai sau lưng, chân thật, không hư dối, tương ưng với lợi ích cứu cánh. Pháp ấy là pháp vô tránh. Vì sự kiện nào mà nói pháp này là vô tránh? Vì pháp này không khổ, không phiền lao, không nhiệt não, không ưu sâu, thuộc chánh hạnh, cho nên pháp ây là vô tránh. Không nói vừa phải, pháp này là hữu tránh. Vì những sự kiện nào mà nói pháp này là hữu tránh? Vì pháp này có kho, có phiền lao, có nhiệt não, có ưu sầu, thuộc về tà hạnh, cho nên nói pháp này là hữu tránh. Nói vừa phải, pháp này là vô tránh. Vì những sự kiện nào mà nói pháp này là vô tránh? Vì pháp này không khổ, không phiền lao, không nhiệt não, không ưu sầu, thuộc chánh hạnh, cho nên pháp này là vô tránh. Thị và phi theo phong tục địa phương, pháp này là hữu tránh. Vì những sự kiện nào mà nói pháp này là hữu tránh? Vì pháp này có khổ, có phiền lao, có nhiệt não, có tru sầu, thuộc tà hạnh, cho nên pháp này là hữu tránh. Tùy phong tục địa phương, không phải, không quấy, pháp này là vô tránh. Vì những sự kiện nào mà nói pháp này là vô tránh? Vì pháp này không khổ, không phiền lao, không nhiệt não, không ưu sầu, thuộc chánh hạnh, cho nên pháp này là vô tránh.

169. KINH CÂƯ-LÂU-SẨU vô TRÁNH 971

ĐÓ gọi là tránh pháp, các thây nên biêt, pháp tránh và pháp vô tránh. Đã biêt pháp tránh và pháp vô tránh thì nên xả bỏ pháp tránh, tu tập pháp vô tránh. Các thay can phải học như vậy. Như vậy, thiện nam tử Tu-bồ-đề do đạo vô tránh mà về sau biết được pháp như pháp: Biết pháp như chân thật, Tu-bồ-đề thuyết kệ5 Thực hành chân không này, Bỏ đây, tru tịch tinh. Đức Phật thuyết như vậy, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

170. KINH ANH vũ Tôi nghe như vây: Một thời, Phật du hóa ở nước Xá-vệ? trong rừng Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, khi đêm đã qua, vào lúc trời vừa sáng, đức Thế Tôn đắp y, mang bát vào nước Xá-vệ để khất thực. Trong khi đi khất thực, Thế Tôn đi qua nhà của Ma-nạp Anh Vũ Đô-đề-tử. Lúc bấy giờ, Ma-nạp Anh Vũ Đô-đề-tử có chút việc phải làm nên đi khỏi, không có ở nhà. Tại nhà Ma-nạp Anh Vũ Đô-đề-tử, có một con chó trắng đang ăn trong cái mâm bằng vàng trên một cái giường lớn. Rồi con chó trắng trông thấy đức Phật từ xa đi lại; thấy Ngài, nó liền sủa. Đức r r x Thê Tôn nói với con chó trăng răng: -Ngươi không nên làm như vậy! Ngươi hét gâm gừ lại sủa. Chó trắng nghe nói, giận dữ, từ trên giường nhảy xuống, đến bên lùm cây nằm buồn thiểu não. Sau đó, Ma-nạp Anh Vũ Đô-đề-tử trở về nhà, thấy chó trắng có vẻ giận dữ, từ trên giường nhảy xuống, đến bên lùm cây nằm buồn thiểu não, ông mới hỏi người nhà rằng: -Ai làm gì động con chó của tôi khiến nó rất đỗi giận dữ, từ trên giường nhảy xuống, đến bên lùm cây nằm buồn thiểu não vậy? Người nhà trả lời: Chúng tôi không ai làm gì động đến con chó trắng khiến nó rất đỗi giận dữ, từ trên giường nhảy xuồng, đên bên lùm cây năm buôn thiêu não. Ma-nạp nên biêt, hôm nay có Sa-môn Cù-đàm đên đây khát thực; con chó trăng đã thây, liên chạy tới sủa. Sa-môn Cù-đàm nói với con chó trăng răng: "Nguôi không nên làm như vậy. Ngươi hết gầm gừ lại sủa.^, Này Ma-nạp, do vậy khiến con chó trắng rất đỗi giận dữ, từ trên giường nhảy xuống, đến bên lùm cây nằm buôn thiêu não. Ma-nạp Anh Vũ Đô-đề-tử vừa nghe xong, tức thì nổi giận, muốn vu khống đức Thế Tôn, muốn hủy báng đức Thế Tôn, muốn hạ nhục đức Thế Tôn. Với 2 y ý đinh vu không, hủy báng, hạ nhục Sa-môn Cù-đàm như vậy, ông liên từ Xá- vệ ra đi, đến Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Khi ấy, đức Thế Tôn đang thuyết pháp cho vô lượng đại chúng đứng vây quanh trước sau. Đức Thế Tôn trông thấy Ma-nạp Anh Vũ Đô-đề-tử từ xa đi đến, Ngài bảo các Tỳ-kheo: Các thầy thấy Ma-nạp Anh Vũ Đô-đề-tử đến không?

974 KINH TRƯNG A-HÀM

Các Tỳ-kheo trả lời: - Bạch đức Thế Tôn, có thấy! Đức Thế Tôn bảo: Ma-nạp Anh Vũ Đô-đê-tử mà mạng chung bây giờ thì như co đuôi cánh tay trong khoảnh khắc, tất sanh vào địa ngục. Vì sao vậy? Vì người ấy đối với Ta đang nổi cơn thịnh nộ. Nếu có chúng sanh nào do bởi tâm sân nhuế, thân hoại mạng chung tất đến chỗ ác, sanh vào địa ngục. Rồi Ma-nạp Anh Vũ Đô-đề-tử đến chỗ đức Phật, nói với Thế Tôn rằng: Hôm nay, Sa-môn Cù-đàm có đến nhà tôi khất thực phải không? Đức Thế Tôn trả lời: Hôm nay, Ta có đến nhà ông khất thực. Cù-đàm5 Ông nói gì với con chó trắng của tôi khiến nó rất đỗi giận dữ, từ trên giường nhảy xuống, đến bên lùm cây nằm buồn thiểu não? Đức

Thế Tôn trả lời: Hôm nay, vào lúc trời vừa sáng, Ta đắp y, mang bát vào Xá-vệ để khất thực, lần lượt khất thực đến nhà ông. Lúc ấy, con chó trắng trông thấy Ta từ xa đi đến; thấy Ta, nó liền sủa. Ta nói với con chó trăng rằng: "Ngươi không nên làm như vậy. Ngươi hết gầm gừ lại siỉa." Vì vậy, con chó trắng rất đỗi giận dữ, từ trên giường nhảy xuống, đên bên lùm cây năm buồn thiểu não. Ma-nạp Anh Vũ hỏi Thế Tôn: Con chó trắng đời trước có liên hệ gì với tôi? Đức Thế Tôn bảo: Thôi! Thôi! Này Ma-nạp, tốt hơn đừng nên hỏi Ta. Ông nghe việc này rồi chắc chắn không vừa ý. Ma-nạp Anh Vũ hỏi đi hỏi lại đức Thế Tôn ba lần: Con chó trắng đời trước liên hệ gì với tôi? Đức The Ton cung ba lan noi: Thôi! Thôi! Này Ma-nạp, tốt hơn đừng nên hỏi Ta. Ông nghe việc này rồi chắc chắn không vừa ý. Đức Thế Tôn lại bảo Ma-nạp: Ông hỏi Ta đến ba lần mà không chịu thôi. Ma-nạp nên biết, con chó trắng kia đời trước là cha của ông, tên là Đô-đề vậy. Ma-nạp Anh Vũ nghe nói xong, nôi giận gáp bội. Ong muôn vu không đức Thế Ton, muốn hủy báng đức Thế Tôn, muốn hạ nhục đức Thế Tôn. Với ý định vu khống, hủy báng, hạ nhục như vậy, ông nói với đức Thế Tôn: Cha tôi là Đô-đề thực hành sự bố thí lớn lao, thiết những cuộc trai tự vĩ dại, sau khi thân hoại mạng chung, nhất đinh sanh lên Phạm thiên; chớ do nhân gì, do duyên gì mà sanh vào loài chó hạ tiện này?

170. KINH ANH vũ 975

Đức Thế Tôn bảo: Đô-đề, cha của ông, do bởi tăng thượng mạn ấy nên sanh vào loài chó hạ tiện. Phạm chí tăng thượng mạn, Chết rồi sanh sáu nơi, Chó, gà, heo và sói, Lừa năm, địa ngục sáu. Ma-nạp Anh Vũ, nêu ông không tin lời Ta nói, ông có thê trở vê nói với con chó răng: "Nêu đời trước là cha của tôi, chó trăng hãy trở lên giường lớn,,, Này Ma-nạp, chó trắng tất trở lên giường lớn. “Nếu đời trước là cha của tôi, chó trắng hãy ăn trong mâm vàng như cũ.” Này Ma-nạp, chó trắng tất sẽ trở lại ăn trong mâm vàng như cũ. "Nếu đời trước là cha của tôi, hãy chỉ cho tôi kho tàng cất giấu vàng, bạc, thủy tinh, trân bảo mà tôi không biết.” Này Ma-nạp, chó trắng chắc chắn chỉ cho ông thấy kho tàng cất giấu vàng bạc, thủy tinh và châu báu mà ông không biết. Ma-nạp Anh Vũ nghe những lời đức Phật nói, ghi nhớ kỹ, nhiễu quanh đức Thế Tôn xong rồi trở về nhà, nói với con chó trắng rằng: Nêu đời trước là cha của tôi, chó trăng hãy trở lên giường lớn. Chó trắng liền trở lên giường lớn. Nêu đời trước là cha của tôi, chó trăng hãy ăn trong mâm vàng như cũ. Chó trắng liền ăn trong mâm vàng như cũ. -Nêu đời trước là cha của tôi, hãy chỉ cho tôi chô kho tàng trước kia cha cất giấu vàng, bạc, thủy tinh, trân bảo mà tôi không biết. Chó trắng tức thì từ trên giường nhảy xuống, đi đến chỗ mà đời trước nó ngủ nghỉ, dùng miệng và chân bươi bốn chân giường. Ma-nạp Anh Vũ liền từ chỗ đó mà được rất nhiều báu vật. Rồi Ma-nạp Anh Vũ Đô-đề-tử đã được báu vật, rất đỗi vui mừng, quỳ gối bên phải xuống đất, chắp tay hướng đến Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc, ba lần xướng lên những lời tán thán đức Thế Tôn rằng: Những lời Sa-môn Cù-đàm nói đều không hư dối! Những lời Sa-môn Cù- đàm nói đều chắc thật! Những lời Sa-môn Cù-đàm nói đều như thật! Ba lần tán thán đức Thế Tôn xong, ông từ Xá-vệ đi ra, đến Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc. Bấy giờ, đức Thế Tôn đang thuyết pháp cho vô lượng đại chúng vây quanh trước sau. Đức Thế Tôn trông thấy Ma-nạp Anh Vũ từ xa đi đến, Ngài bảo các Tỳ-kheo: Các thầy có thấy Ma-nạp Anh Vũ đi đến không? Các

Tỳ-kheo trả lời: Bạch đức Thế Tôn, có thấy!

Đức Thế Tôn bảo: -Ma-nạp Anh Vũ bây giờ mà mạng chung thì như trong khoảnh khắc co duỗi cánh tay, chắc chắn đi đến chỗ lành. Vì sao vậy? Vì người ấy đối với Ta rất có thiện tâm. Nếu có chúng sanh nào do bởi thiện tâm, thân hoại mạng chung tất đến chỗ lành, sanh vào trong thiên giới. Bấy giờ, Ma-nạp Arủi Vũ đi đến chỗ đức Phật, cùng thăm hỏi rồi ngồi xương mọt ben. Đức The Ton bao: Thế nào? Này Ma-nạp, như Ta đã nói, con chó trắng như vậy có đúng hay không đúng như vậy? Ma-nạp Anh Vũ bạch: Bạch Cù-đàm, thật đúng như lời Ngài nói! Kính bạch Cù-đàm, tôi lại có điều muốn hỏi, mong Ngài nghe cho tôi mới dám trình bày! Đức Thế Tôn bảo: Tùy ý ông cứ hỏi! Kính bạch Cù-đàm, do nhân gì, duyên gì chúng sanh kia đều thọ thân người mà có nệười cao, kẻ thấp; có người đẹp, kẻ xấu? Vì sao vậy? Kính bạch Cù-đàm, tôi thây có kẻ sống lâu, có người chét yểu; có kẻ nhiều bệnh, có người ít bệnh; lại thấy có kẻ thân hình đầy đủ, có người không đầy đủ; lại thấy có kẻ CÓ oai đức, có người không oai đức; lại thây có kẻ sanh nhăm dòng dõi tôn quý, có người sanh nhằm dòng dõi ti tiện; lại thấy có kẻ giàu có, có người nghèo hèn; lại thay có kẻ thiện trí, có người trí tuệ kém cỏi. Đức Thế Tôn trả lời: Chúng sanh kia do nơi hành nghiệp của chính mình, do nghiệp mà thọ báo, duyên vào nghiệp, y nơi nghiệp, tùy nơi nghiệp xứ có cao thấp mà chúng r r sanh có tót đẹp hay không tót đẹp. Ma-nạp Anh Vũ bạch Thế Tôn: Sa-môn Cù-đàm nói vắn tắt quá, không phân biệt một cách rộng rãi, tôi không thể biết được. Mong Sa-môn Cù-đàm nói một cách rộng rãi cho tôi nghe để tôi được hiểu rõ ý nghĩa! Đức Thế Tôn bảo: Này Ma-nạp, hãy nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ phân biệt một cách rộng rãi cho ông! Ma-nạp Anh Vũ bạch: Kính vâng, tôi xin vâng lời lắng nghe! Đức Phật nói: Này Ma-nạp, do nhân gì, duyên gì mà kẻ nam hay người nữ thọ mạng rất ngắn ngủi? Nếu có kẻ nam hay người nữ nào sát sanh, hung dữ, cực ác, uống máu, có ý sát hại, mang tâm niệm xấu ác, không có tâm từ bi đối với tất

cả chúng sanh cho đến các loài côn trùng thì người ấy thọ lấy nghiệp ấy; tạo tác đầy đủ rồi, đến khi thân hoại mạng chung, chắc chắn đi đến chỗ ác, sanh vào trong địa ngục; mãn kiếp địa ngục rồi, lại sanh vào nhân gian, tuổi thọ rất ngăn ngủi. Vì sao vậy? Con đường này đưa đên nhận lãnh sự đoản thọ, nghĩa là kẻ nam hay người nữ sát sanh, hung dữ, cực ác, uống máu. Ma-nạp nên biết, nghiệp này có quả báo như vậy. Này Manạp, do nhân gì, duyên gì mà kẻ nam hay người nữ thọ mạng rất dài? Nếu có kẻ nam hay người nữ nào xa lìa nghiệp sát, đoạn tuyệt nghiệp sát, bỏ hẳn đao gậy, có tâm tàm, có tâm quý, có tâm từ bi, làm lợi ích cho tất cả cho đến loài côn trùng thì người ấy thọ nghiệp này; tạo tác nghiệp ấy đầy đủ rồi, đến khi thân hoại mạng chung, chắc chắn tiến lên chỗ lành, sanh vào trong cõi trời; mãn kiếp ở cõi trời rồi, lại sanh vào nhân gian, thọ mạng rất dài. Vì sao vậy? Con đường này đưa đến nhận lãnh sự trường thọ, nghĩa là kẻ nam hay người nữ xa lìa nghiệp sát, đoạn tuyệt nghiệp sát. Ma-nạp nên biết, nghiệp này có quả báo như vậy. Này Ma-nạp5 do nhân gì, duyên gì mà kẻ nam hay người nữ đa phần có tật bệnh? Nêu có kẻ nam hay người nữ nào nhiêu hại chúng

sanh, người ây hoặc dùng nam tay, hoặc dùng cây, đá, hoặc dùng dao, gậy nhiễu hại chúng sanh thì người ấy thọ nghiệp này; tác thành nghiệp ấy đầy đủ rồi, đến khi thân hoại mạng chung, chắc chắn đưa đến chỗ ác, sanh vào trong địa ngục; mãn kiếp địa ngục rồi, lại sanh vào nhân gian, chịu nhiều bệnh tật. Vì sao vậy? Con đường này đưa đến chỗ chịu nhiều tật bệnh, nghĩa là kẻ nam hay người nữ nhiễu hại chúng sanh. Ma-nạp nên biết, nghiệp này có quả báo như vậy. Này Ma-nạp, do nhân gi, duyên gì mà kẻ nam hay người nữ không có tật bệnh? Nếu có kẻ nam hay người nữ nào không nhiễu hại chúng sanh, người ấy không dùng nắm tay, không dùng cây, đá, không dùng dao, gậy nhiễu hại chúng sanh thì người ấy thọ nghiệp này; tác thành nghiệp ấy đầy đủ rồi, đến khi thân hoại mạng chung, chắc chắn tiến lên chỗ lành, sanh vào trong cõi trời; mãn kiếp ở cõi trời rồi, lại sanh vào nhân gian, không có tật bệnh. Vì sao vậy? Con đường này đưa đen hưởng thọ không tật bệnh, nghĩa là kẻ nam hay người nữ nào không nhiễu hại chúng sanh. Ma-nạp nên biết, nghiệp này có quả báo như vậy. Này Ma-nạp, do nhân gì, duyên gì mà kẻ nam hay người nữ có thân hình không đoan chánh? Nếu có kẻ nam hay người nữ nào tánh nóng nảy, hay bực dọc, vừa nghe chút ít đã nổi cơn giận dữ, nổi ganh ghét mà sanh lo buồn, nổi thịnh nộ tranh chấp thì người ấy thọ nghiệp này; tạo tác đầy đủ rồi, đến khi thân hoại mạng chung, chắn chắn đưa đến chỗ ác, sanh vào trong địa ngục; mãn kiếp địa ngục, lại sanh vào nhân gian, hình thể không đoan chánh. Vì sao vậy? Vì con đường này đưa đến thọ báo hình thể không đoan chánh, nghĩa là kẻ nam hay người nữ tánh nóng nảy, hay bực dọc. Ma-nạp nên biết, nghiệp này có quả báo như vậy.

Này Ma-nạp, do nhân gì, duyên gì mà kẻ nam hay người nữ có thân hình đoan chánh? Nếu có kẻ nam hay người nữ nào tánh không nóng nảy, không hay bực dọc, người ây nghe lời nói êm ái hay thô bỉ cọc căn, không nôi cơn giận dữ, không ganh ghét sanh ra buồn rầu, không nổi thịnh nộ tranh chấp thì người ấy thọ nghiệp này; tác thành đầy đủ rồi, đến khi thân hoại mạng chung, chắc chắn tiến lên chỗ lành, sanh vào trong cõi trời; mãn kiếp ở cõi trời rồi, lại sanh vào nhân gian, hình thể đoan chánh. Vì sao vậy? Vì con đường này đưa đến thọ báo hình thể đoan chánh, nghĩa là kẻ nam hay người nữ tánh không nhiều bực dọc, nóng nảy. Ma~nạp nên biết, nghiệp này có quả báo như vậy. Này Ma-nạp, do nhân gì, duyên gì mà kẻ nam hay người nữ không có oai đức? Nếu có kẻ nam hay người nữ nào bên trong ôm lòng tật đố? người ấy thấy kẻ khác được cung kính cúng dường liên sanh lòng tật đô, nêu thây kẻ khác CÓ của thì muôn làm sao của ây được vê mình thì người ây thọ nghiệp này; tác thành đầy đủ rồi, đến khi thân hoại mạng chung, chắc chắn đưa đến chỗ ác, sanh vào trong địa ngục; mãn kiếp địa ngục rồi, lại sanh vào trong nhân gian, không có oai đức. Vì sao vậy? Vì con đường này đưa đến thọ báo không có oai đức, nghĩa là kẻ nam hay người nữ bên trong ôm lòng tật đo. Ma-nạp nên biết, nghiệp này có quả báo như vậy. Này Ma-nạp, do nhân gì, duyên gì mà kẻ nam hay người nữ có oai đức lớn? Nếu có kẻ nam hay người nữ nào không ôm lòng tật(tó, người ấy thấy kẻ khác được cung kính cúng dường thì không sanh lòng tật đố, nếu thấy kẻ khác có của mà không có lòng ham muốn của ấy được về mình thì người ấy thọ nghiệp này; tác thành đầy đủ rồi, đến khi thân hoại mạng chung, chắc chắn tiến

lên chỗ lành, sanh vào cõi trời; mãn kiếp ở cõi trời rồi, lại sanh vào nhân gian, có oai đức lớn. Vì sao vậy? Vì con đường này đưa đến thọ báo có oai dức, nghĩa là kẻ nam hay người nữ không ôm lòng tật đố. Ma-nạp nên biết, nghiệp này có quả báo như vậy. Này Ma-nạp, do nhân gì, duyên gì mà kẻ nam hay người nữ sanh vào dòng dõi hạ tiện? Nếu có kẻ nam hay người nữ nào kiêu ngạo, ngã mạn; người đáng cung kính mà không cung kính; đáng tôn trọng mà không tôn trọng; đáng quý mà không quý; đáng phụng thờ mà không phụng thờ; đáng cúng dường mà không cúng dường; đáng nhường lối mà không nhường lối; đáng nhường chỗ mà không nhường chỗ; đáng chắp tay hướng ve lễ bái, thăm hỏi mà không chắp tay hướng về lễ bái, thăm hỏi thì người ấy thọ nghiệp này; tác thành đầy đủ rồi, đến khi thân hoại mạng chung, chắc chắn đưa đến chỗ ác, sanh vào địa ngục; mãn kiêp địa ngục roi, lại sanh vào nhân gian, sanh nhăm dòng dõi hạ tiện. Vì sao vậy? Vì con đường này đưa đên thọ báo sanh nhăm dòng dõi hạ tiện, nghĩa là kẻ nam hay người nữ kiêu ngạo, ngã mạn. Ma-nạp nên biết, nghiệp này có quả báo như vậy.

170. KINH ANH vũ 979

Này Ma-nạp, do nhân gì, duyên gì mà kẻ nam hay người nữ sanh nhằm dòng dõi tôn quý? Nếu có kẻ nam hay người nữ nào không có lòng kiêu ngạo, ngã mạn; người đáng cung kính thì cung kính; đáng tôn trọng thì tôn trọng; đáng quý thì quý; đáng phụng thờ thì phụng thờ; đáng cúng dường thì cúng dường; đáng nhường lối thì nhường lối; đáng nhường chỗ thì nhường chỗ; đáng chắp tay hướng về lễ bái, thăm hỏi thì chắp tay hướng về lễ bái, thăm hỏi thì người ấy thọ nghiệp này; tác thành đầy đủ rồi? đến khi thân hoại mạng chung, chắc chắn tiến lên chỗ lành, sanh vào cõi trời; mãn kiếp ở cõi trời rồi, lại sanh vào nhân gian, sanh nhằm dòng dõi tôn quý. Vì sao vậy? Vì con đường này đưa đến thọ báo sanh nhằm dòng dõi tôn quý, nghĩa là kẻ nam hay người nữ không kiêu ngạo, ngã mạn. Ma-nạp nên biết, nghiệp này có quả báo như vậy. Này Ma-nạp, do nhân gi, duyên gì mà kẻ nam hay người nữ không có của cải? Nếu có kẻ nam hay người nữ nào không làm thí chủ, không thực hành bố thí, người ấy không bố thí cho Sa-mờn, Phạm chí và kẻ ĩiệhèo cùng, cô độc từ xa đên xin những thứ như đô ăn, thức uông, quân áo, mên, vòng hoa, hương thoa, nhà cửa, giường chõng, đèn dầu và tôi tớ thì người ấy thọ nghiệp này; tác thành đầy đủ rồi, đến khi thân hoại mạnệ chung, chắc chắn đưa đến chỗ ác, sanh vào trong địa ngục; mãn kiếp địa ngục roi, lại sanh vào nhân gian, không có của cải. Vì sao vậy? Vì con đường này đưa đến thọ báo không có của cải, nghĩa là kẻ nam hay người nữ không biết làm thí chủ, không thực hành bố thí. Ma-nạp nên biết, nghiệp này có quả báo như vậy. Này Ma-nạp, do nhân gi, duyên gì mà kẻ nam hay người nữ có nhiều của cải? Nếu có kẻ nam hay người nữ nào biết làm người thí chủ, biết thực hành bố thí, người ấy bố thí cho Sa-môn? Phạm chí và kẻ nghèo cùng, cô độc từ xa đến xin những thứ như đồ ăn? thức uống, quàn áo? mền, vòng hoa, hương thoa, nhà cửa, giường chõng, đèn dầu và tôi tớ thì người ấy thọ nghiệp này; tác thành đầy đủ rồi, đến khi thân hoại mạng chung, chắc chắn tiến đến chỗ lành, sanh vào cõi trời; mãn kiếp ở cõi trời rồi, lại sanh vào nhân gian, có nhiều của cải. Vì sao vậy? Vì con đường này đưa đen thọ báo có nhiều của cải, nghĩa là kẻ nam hay người nữ biết làm người thí chủ, biết thực hành hạnh bố thí. Ma-nạp nên biết, nghiệp này có quả

báo như vậy. Này Ma-nạp, do nhân gì? duyên gì mà kẻ nam hay người nữ có trí tuệ kém cỏi? Nếu có kẻ nam hay người nữ nào không thường đến nơi kia hỏi việc, nếu có Sa-môn, Phạm chí danh dức, người ấy không thường đến nơi đó hỏi đạo, nghĩ rằng: “Thua chư Tôn, thế nào là thiện? Thế nào là không thiện? Thế nào là tội? Thế nào là không tội? Thế nào là đẹp? Thế nào là không đẹp? Thế nào là trắng? Thế nào là đen? Trắng và đen từ đâu sanh ra? Ý nghĩa của quả báo hiện tại như thế nào? Ý nghĩa của quả báo vị lai như thế nào?" Giả sử có hỏi nhimg không thực hành thì người ấy thọ nghiệp này; tác thành đầy đủ rồi, đến khi thân hoại mạng chung, chắc chắn đưa đến chỗ ác, sanh vào địa ngục; mãn kiếp ở địa ngục rồi, lại sanh vào nhân gian, có trí tuệ kém cỏi. Vì sao vậy? Vì con

đường này đưa đến thọ báo trí tuệ kém cỏi, n^hĩa là kẻ nam hay người nữ không thường đen nơi kia hỏi việc. Ma-nạp nên biết, nghiệp này có quả báo như vậy. Này Ma-nạp, do nhân gì, duyên gì mà kẻ nam hay người nữ có trí tuệ tốt đẹp? Nếu có kẻ nam hay người nữ nào thường hay đến nơi kia hỏi việc, nếu có Sa-môn, Phạm chí danh đức, người ấy thường đến nơi đó mà hỏi đạo, nghĩ rằng: “Thua chư Tôn, thế nào là thiện? Thế nào là không thiện? Thế nào là tội? Thế nào là không tội? Thế nào là đẹp? Thế nào là không đẹp? Thế nào là trắng? Thế nào là đen? Trắng và đen từ đâu sanh ra? Ý nghĩa của quả báo hiện tại là thế nào? Ý nghĩa của quả báo vị lai là thế nào?” Hỏi xong lại thường thực hành thì người ấy thọ nghiệp này; tác thành đầy đủ rồi, đen khi thân hoại mạng chung, chắc chắn tiến lên chỗ lành, sanh vào cõi trời; mãn kiếp ở cõi trời rồi, lại sanh vào nhân gian, có trí tuệ tót đẹp. Vì sao vậy? Vì con đường này đưa đên thọ báo trí tuệ tốt đẹp, nghĩa là kẻ nam hay người nữ thường hay đến nơi kia hỏi việc. Ma-nạp nên biết, nghiệp này có quả báo như vậy. Ma-nạp nên biêt, tạo tác nghiệp tương xứng với đoản thọ, tát phải chịu đoản thọ; tạo tác nghiệp tương xứng với trường thọ, tất được trường thọ; tạo tác nghiệp tương xứng với nhiều tật bệnh, tất phải chịu nhiều tật bệnh; tạo tác nghiệp tương xứng với ít tật bệnh, tất được ít tật bệnh; tạo tác nghiệp tương xứng với sự không đoan chánh, tất phải chiu sự không đoan chánh; tạo tác nghiệp tương xứng với đoan chánh, tất được đoan chánh; tạo tác nghiệp tương xứng với không oai đức, tất phải chiu không oai đức; tạo tác nghiệp tương xứng với oai dức, tất được oai đức; tạo tác nghiệp tương xứng với dòng dõi hạ tiện, tất phải sanh nhằm dòng dõi hạ tiện; tạo tác nghiệp tương xứng với dòng dõi tôn quý, tất được sanh vào dòng dõi tôn quý; tạo tác nghiệp tương xứng với không của cải, tất phải chiu không của cải; tạo tác nghiệp tương xứng với nhiều của cải, tất được nhiều của cải; tạo tác nghiệp tương xứng với trí tuệ kém cỏi, tất phải bị trí tuệ kém cỏi; tạo tác nghiệp tương xứng với trí tuệ tốt đẹp, tất được trí tuệ tốt đẹp. Này Manạp, đó là những điều mà Ta đã nói từ trước rằng: "Chúng sanh do hành nghiệp của chính mình, do nghiệp mà thọ báo, duyên nơi nghiệp, tùy theo nghiệp xứ cao thấp mà chúng sanh có tốt đẹp hay không tốt dẹp." Ma-nạp Anh Vũ Đô-đề-tử bạch: Bạch Thế Tôn, con đã hiểu! Bạch Thiện The, con đã rõ! Bạch Thế Tôn, con nay xin tự quy y Phật, Pháp và chúng Tỳ-kheo! Cúi mong Thê Tôn nhận con làm ưu-bà-tắc, kể từ hôm nay, trọn đời nguyện đem mình quy y cho đến khi mạng chung! Bạch đức Thế Tôn, bắt đầu ngày hôm nay, monẹ Ngài

vào nhà Đô-đề như vào nhà ưu-bà-tắc khác tại Xá-vệ đê cho nhà Đô-đê được lợi nghĩa, được lợi ích, an ổn, khoái lạc lâu dài. Đức Phật thuyêt như vậy, Ma-nạp Anh Vũ Đô-đê-tử và vô lượng đại chúng Tỳ-kheo nghe Phật nói xong, hoan hỷ phụng hành.

171. KINH PHÂN BIỆT ĐẠI NGHIỆP _ Tôi nghe như vây: Một thời, Phật du hóa tại thành Vương Xá, tru trong Trúc Lâm, vườn Ca- lan-đa. Bấy giờ, Tôn giả Tam-di-đề cũng tru ở thành Vương Xá, trong thiền thất Vô Y r Sự. Lúc ây, di học Bộ-la-đà-tử sau giờ trưa, ung dung đi đên chô Tôn giả Tam- di-đề, cùng chào hỏi rồi ngồi xuống một bên và hỏi: Này Tôn giả Tam-di-đề, tôi có điều muốn hỏi, ngài cho phép chăng? Ton gia Tam-di-ae đáp: Này Hiên giả Bộ-la-đà-tử, muôn hỏi xin tùy ý, tôi nghe xong sẽ suy nghĩ! Di học Bộ-la-đà-tử bèn hỏi: Này Tôn giả Tam-di-đề, tôi đối diện đức Sa-môn Cù-đàm mà nghe, tôi đối diện đức Sa-môn Cù-đàm mà ghi nhận rằng: “Thân nghiệp, khẩu nghiệp là hư vọng; chỉ có ý nghiệp là chân thật. Hoặc có một loại định, Tỳ-kheo vào định đó không còn có cảm giác." Ton gia Tam-di-đe đáp: Này Hiền giả Bộ-la-đà-tử, ngài chớ có nói như vậy, chớ có hủy báng đức The Ton, huy bang đức The Ton la bát thiên, The Ton không noi như vậy. Này Hiền giả Bộ-la-đà-tử, đức Thế Tôn đã dùng vô số phương tiện nói rằng: “Nếu cố ý tạo tác nghiệp, khi tạo tác đã thành, Ta nói không phải là không thọ báo, hoặc hiện tại thọ báo, hoặc đời sau thọ báo. Nấu không cố ý tạo tác nghiệp, khi tạo tác nghiệp đã thành, Ta không nói chắc chắn phải thọ báo.” Di học Bộ-la-đà-tử ba lần nhắc lại câu ấy với Tôn giả Tam-di-đề: Này Tôn giả Tam-di-đề, tôi đối diện Sa-môn Cù-đàm mà nghe, tôi đối diện Sa-môn Cù-đàm mà ghi nhận rằng: "Thân nghiệp, khẩu nghiệp là hư vọng; chỉ có ý nghiệp là chân thật. Có một loại định, Tỳ-kheo vào định đó không còn có cảm giác." Tôn giả Tam-di-đề cũng ba lần đáp: Này Hiền giả Bộ-la-đà-tử5 ngài chớ có nói như vậy, chớ có hủy báng đức Thế Tôn, hủy báng đức Thế Ton là bất thiện, Thế Tôn không nói như vậy. Này Hiền giả Bộ-la-đà-tử, đức Thế Tôn đã dùng vô số phương tiện nói rằng: “Nếu cố ý tạo tác nghiệp, khi tạo tác đã thành, Ta nói không phải là không thọ báo,

hoặc hiện tại thọ báo, hoặc đời sau thọ báo. Nêu không cô ý tạo tác nghiệp, khi tạo tác đã thành, Ta không nói chắc chắn phải thọ bO." Di học Bộ-la-đà-tử hỏi: -Này Tôn giả Tam-di-đề, nếu cố ý tạo tác nghiệp, khi tạo tác đã thành, phải thọ báo gì? Ton giả Tam-di-đê đáp: —Này Hiền giả Bộ-la-đà-tử, nếu cố ý tạo tác nghiệp, khi tạo tác đã thành, tất thọ quả báo 1ÃỔ. Dị học Bộ-la-đà-tử lại hỏi: -Này Tôn giả Tam-di-dề, ngài học đạo trong Pháp, Luật này đã bao lâu rồi? Ton gia Tam-di-đe đáp: Này Hiền giả Bộ-la-đà-tử? tôi học đạo trong Pháp, Luật này mới có ba năm. Lúc ấy, dị học Bộ-la-đà-tử bèn suy nghĩ rằng: CÍTỳ-kheo niên thiếu mà vẫn CÓ thê bảo hộ Tôn sư như vậy, huông nữa là vị Thượng tôn cựu hoc?9 Roi dị học Bộ-la-đà-tử nghe Tôn giả Tam-di-đề nói, không cho là phải, cũng không cho là quấy, rời chỗ ngồi, lắc đầu mà đi. Lúc bấy giờ, Tôn giả Đại Châu-na cách chỗ nghỉ của Tôn giả Tam-di-đề không xa. Tôn giả Đại Châu-na nghe cuộc đối thoại giữa Tôn giả Tam-di-đề với dị học Bộ-la-đà-tử? ghi nhớ tất cả, từ chỗ ngồi đứng dậy, đi đến chỗ Tôn giả A-nan, cùng chào hỏi xong roi ngôi xuông một bên, đem những lời thảo luận của Tôn giả Tam-di-đề và di học Bộ-la-đà-tử thuật lại

hết cho Tôn giả A-nan nghe. Tôn giả A-nan nghe xong bảo răng: -Này Hiền giả Châu-na, nhân câu chuyện này, chúng ta nên đến gặp đức Phật và trình bày lên Thế Tôn. Hiền giả Châu-na, chúng ta hãy cùng đến nơi Thế Tôn và bạch lên Thế Tôn tất cả nghĩa này, hoặc nhân đây chúng ta được nghe những pháp nào khác của Thế Tôn. Rồi Tôn giả A-nan và Tôn giả Đại Chau-na cùng đi đến chỗ Phật. Tôn giả Châu-na cúi đầu đảnh lễ sát chân Phật rồi ngồi xuống một bên. Tôn giả A-nan cúi đầu đảnh lễ sát chân Phật rồi đứng qua một bên. Lúc đó, Tôn giả A-nan nói: Này Hiền giả Châu-na, Hiền giả nên nói đi! Hiền giả nên nói đi! TV Ạ _ • A_ Ạ fTi _ 2 • Bây giờ, The Ton hoi: Này A-nan, Ty-kheo Chau-na muôn nói điêu gì? Tôn giả A-nan bạch: Bạch Thê Ton, The Ton sẽ nghe net câu chuyện! Rồi Tôn giả Đại Châu-na thuật lại đầu đuôi câu chuyện giữa Tôn giả Tam- di-đề và dị học Bộ-la-đà-tử cho Phật nghe. Nghe xong, Thế Tôn bảo:

171. KINH PHÂN BIỆT ĐẠI NGHIỆP 983

<1 .. r Này A-nan, hãy coi! Tỳ-kheo Tam-di-đê là người mê mờ không biêt đạo lý. Vì sao? Vấn đề dị học Bộ-la-đà-tử hỏi là không xác định, mà Tỳ-kheo Tam- di-dề, người mê mờ kia lại trả lời một chiều. Tôn giả A-nan bạch: -Bạch Thế Tôn, nếu Tỳ-kheo Tam-di-đề nhân việc này mà trả lời rằng: "C6 cảm thọ, đó là cảm thọ kh6" thì có lỗi gì? Đức Thế Tôn trách Tôn giả A-nan: Coi kìa! Tỳ-kheo A-nan cũng không biêt đạo lý. Này A-nan, Tam-di-đê mê mờ ấy, kẻ dị học Bộ-la-đà-tử kia muốn hỏi tất cả ba cảm thọ: Khổ thọ? lạc thọ và không khô không lạc thọ. A-nan, nêu Tam-di-đê mê mờ ây được di học Bộ-la-đà-tử hỏi nên đáp như vầy: “Này Hiền giả Bộ-la-đà-tử, nếu cố ý tạo lạc nghiệp, khi tạo tác đã thành, sẽ thọ lạc báo. Nêu cô ý tạo khô nghiệp, khi tạo tác đã thành, sẽ thọ khổ báo. Nếu cố ý tạo nghiệp không khổ không lạc, khi tạo tác đã thành, sẽ thọ báo không khổ không lac?9 Này A-nan, nếu Tam-di-đề mê mờ ấy được dị học Bộ-la-đà-tử hỏi và đáp như vậy thì dị học Bộ-la-đà-tử mắt còn không dám nhìn Tam-di-đề mê mờ ấy, huống nữa lại có thể hỏi đến chuyện như vậy. Này A-nan, nếu thầy muốn nghe Thế Tôn nói Kinh Phân biệt đại nghiệp. đối với Như Lai lại càng tăng thượng tâm tĩnh, được sự hỷ. Bây giờ, Tôn giả A-nan chăp tay hướng vê Phật và bạch: Bạch Thế Tôn, nay thật đúng lúc. Bạch Thiện Thệ, nay thật đúng lúc. Nấu Thế Tôn vì các Tỳ-kheo nói Kinh Phăn biệt đại nghiệp, các Tỳ-kheo nghe xong sẽ ghi nhớ kỹ. The Ton bao: Này A-nan, hãy lắng nghe, hãy suy nghĩ kỹ, Ta sẽ phân biệt đầy đủ cho thầy! Tôn giả A-nan bạch: -Kính vâng, bạch Thế Tôn! Các Tỳ-kheo vâng lời Thế Tôn dạy và lắng nghe. Đức Phật nói: Này A-nan, ở đây, có trường hợp có người không từ bỏ sát sanh, không từ bỏ lấy của không cho, không từ bỏ tà dâm, không từ bỏ nói dối, cho đến không từ bỏ tà kiến. Với sự không từ bỏ và không thủ hộ này, khi thân hoại mạng chung, họ lại đi về chốn lành, sanh vào cõi trời. Này A-nan, có trường hợp có người từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà dâm, từ bỏ nói dối, cho đến tư bỏ tà kiến. Với sự từ bỏ và thủ hộ này, khi thân hoại mạng chung, họ lại đi về chỗ ác, sanh vào địa ngục. Này A-nan, có trường hợp có người không từ bỏ sát sanh, không từ bỏ lấy của không cho, không từ bỏ tà dâm, không từ bỏ nói dối, cho đến không từ bỏ

984 KINH TRUNG A-HÀM

tà kiến. Với sự không từ bỏ và không thủ hộ này, khi thân hoại mạng chung, họ đi vê chô ác, sanh vào địa ngục. Này A-nan, có trường hợp có người từ bỏ sát sanh, từ bỏ lây của không cho, từ bỏ tà dâm, từ bỏ nói dối, cho đến từ bỏ tà kiến. Với sự từ bỏ và thủ hộ này, khi thân hoại mạng chung, họ đi về chốn lành, sanh vào cõi trời. Này A-nan, nếu là trường hợp có người không từ bỏ sát sanh, không từ bỏ lấy của không cho, không từ bỏ tà dâm, không từ bỏ nói dối, cho đến không từ bỏ tà kiến; với sự không từ bỏ và không thủ hộ này, khi thân hoại mạng chung, họ lại đi về chốn lành, sanh vào cõi trời. Nếu có vi Sa-môn, Phạm chí chứng được thiên nhãn, thành tựu thiên nhãn, thấy người kia, thấy rồi bèn tự suy nghĩ: "Không có thân ác hành, cũng không có quả báo của thân ác hành; không có khâu và ý ác hành, cũng không có quả báo của khâu và ý ác hành. Vì sao? Ta thấy người kia không từ bỏ sát sanh, không từ bỏ lấy của không cho, không từ bỏ tà dâm, không từ bỏ nói dối, cho đến không từ bỏ tà kiến; với sự không từ bỏ và không thủ hộ này, khi thân hoại mạng chung, họ lại đi ve chốn lành, sanh vào cõi trời. Nếu có những trường hợp khác tương tự như vậy: Không từ bỏ sát sanh, không từ bỏ lấy của không cho, không từ bỏ tà dâm, không từ bỏ nói dối, cho đến không từ bỏ tà kiến; thì với sự không từ bỏ và không thủ hộ này, tất cả những người ây khi thân hoại mạng chung, nhát định đêu đi vê chôn lành, sanh vào cõi trời. Ai thấy như vậy gọi là chánh kiến; ai thấy khác di, trí họ đi về nẻo tà?5 Cũng như cố bám vào những sở tri, sở kiến rồi nói một cách cố chấp và một chiều: "Dây mới là chân thật, ngoài ra đều hư d6i." Này A-nan, nếu là trường hợp có người từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà dâm, từ bỏ nói dối, cho đến từ bỏ tà kiến; với sự từ bỏ và thủ hộ này, khi thân hoại mạng chung, họ lại đi vê chô ác, sanh vào địa ngục. Nêu có Sa-môn9 Phạm chí chứng được thiên nhãn, thành tựu thiên nhãn, thây người kia, thấy rồi bèn tự suy nghĩ: "Không có thân diệu hành, cũng không có quả báo của thân diệu hành; không có khâu và ý diệu hành, cũng không có quả báo của khẩu và ý diệu hành. Vì sao? Ta thấy người kia từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà dâm, từ bỏ nói dối, cho đến từ bỏ tà kiến; với sự từ bỏ và thủ hộ này, khi thân hoại mạng chung, họ lại đi về chỗ ác, sanh vào địa ngục. Nếu CÓ trường hợp khác giông như vậy: Từ bỏ sát sanh, từ bỏ lây của không cho, từ bỏ tà dâm, từ bỏ nói dối, cho đến từ bỏ tà kiến; thì với sự từ bỏ và thủ hộ này, tất cả những người ấy khi thân hoại mạng chung, nhất định đều đi về chỗ ác, sanh vào địa ngục. Ai thấy vậy gọi là chánh kiến; thấy khác đi, trí họ đi về nẻo tà." Cũng như cô bám vào những sở tri, sở kiên roi nói một cách cô châp và một chiều: "Đây mới là chân thật, ngoài ra đều hư d6i." Này A-nan, nếu là trường hợp có người không từ bỏ sát sanh, không từ bỏ lấy của không cho, không từ bỏ tà dâm, không từ bỏ nói dối, cho đến không từ bỏ tà kiến; với sự không từ bỏ và không thủ hộ này, khi thân hoại mạng chung,

họ đi vê chô ác, sanh vào địa ngục. Nêu có Sa-môn? Phạm chí chứng được thiên nhãn, thành tựu thiên nhãn, thay người kia, thay roi bèn tự suy nghĩ: "C6 thân ác hành, cũng có quả báo của thân ác hành; có khẩu và ý ác hành, cũng có quả báo của khâu và ý ác hành. Vì sao? Ta thây người kia không từ bỏ sát sanh, không từ bỏ lấy của không cho, không từ bỏ tà dâm, không từ bỏ nói dối, cho đến không từ bỏ tà kiến; với sự không từ

bỏ và không thủ hộ này, khi thân hoại mạng chung, họ đi ve chỗ ác, sanh vào địa ngục. Nêu có những trường hợp khác tương tự như vậy: Không từ bỏ sát sanh, không từ bỏ lấy của không cho, không từ bỏ tà dâm, không từ bỏ nói dối, cho đến không từ bỏ tà kiến; thì với sự không từ bỏ và không thủ hộ này, tất cả những người ấy khi thân hoại mạng chung, nhất định đều đi ve chỗ ác, sanh vào địa ngục. Ai thay như vậy là chánh kiến; ai thấy khác, trí họ đi về nẻo tà" Cũng như cố bám vào những sở tri, sở kiến rồi nói một cách cố chấp và một chiều: "Đây mới là chân thật, ngoài ra đều hư dối.,, Này A-nan, nếu là trường hợp có người từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà dâm, từ bỏ nói dối, cho đến từ bỏ tà kiến; với sự từ bỏ và thủ hộ này, khi thân hoại mạng chung, họ đi về chốn lành, sanh vào cõi trời. Nếu có Sa-môn, Phạm chí chứng được thiên nhãn, thành tựu thiên nhãn, thấy người kia, thấy rồi bèn tự suy nghĩ: "C6 thân diệu hành, cũng có quả báo của thân diệu hành; có khẩu và ý diệu hành, cũng có quả báo của khẩu và ý diệu hành. Vì sao? Ta thấy người kia từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà dâm, từ bỏ nói dối, cho đến từ bỏ tà kiến; với sự từ bỏ và thủ hộ này, khi thân hoại mạng chung, họ đi ve chốn lành, sanh vào cõi trời. Nêu có trường hợp khác tương tự như vậy: Từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà dâm, từ bỏ nói dối, cho đên từ bỏ tà kiên; thì với sự từ bỏ và thủ hộ này, tát cả những người ây, khi thân hoại mạng chung, nhất định đều đi về nẻo lành, sanh vào cõi trời. Ai thấy như vậy là chánh kiến; ai thấy khác, trí họ đi về nẻo Cũng như cố bám vào những sở tri, sở kiến roi nói một cách co chấp và một chiều: uĐây mới là chân thật, ngoài ra đều hư d6i." Này A-nan, trong đó nếu có vị Sa-môn, Phạm chí chứng được thiên nhãn, thành tựu thiên nhãn nói như thế này: "Không có thân ác hành, cũng không có quả báo của thân ác hành; không có khẩu và ý ác hành, cũng không có quả báo của khẩu và ý ác hành"; Ta không đồng ý với vị ấy. Nếu vị ấy nói như thế này: "Ta thay người kia không từ bỏ sát sanh, không từ bỏ lay của không cho, không từ bỏ tà dâm, không từ bỏ nói dối, cho đến không từ bỏ tà kiến; với sự không từ bỏ và không thủ hộ này, khi thân hoại mạng chung, họ lại đi về chốn lành, sanh vào cõi tr&i"; Ta đồng ý với vị ấy. Nếu vi ấy nói như vầy: “Nếu có những trường hợp khác tương tự như vậy: Không từ bỏ sát sanh, không từ bỏ lấy của không cho, không từ bỏ tà dâm, không từ bỏ nói dối, cho đến không tò bỏ tà kiến; thì với sự không từ bỏ và không thủ hộ này, tất cả những người ấy khi thân hoại mạng chung, nhất định đều đi về chốn lành, sanh vào cõi tròd"; Ta không đồng ý với vị ấy. Nếu vị ấy nói: "Ai thấy như vậy mới là chánh kiến; ai thấy khác, trí

họ đi vê nẻo tà” Ta không d6ng ý với vị ây. Cũng như cô bám vào những sở tri, sở kiến rồi nói một cách cố châp và một chiều: "Bây mới là chân thật, ngoài ra đều hư d6i"; Ta cũng không đồng ý với vị ấy. Vì sao? Này A-nan, Như Lai biết khác với những người đó. NàyA-nan, trong đó nếu có Sa-môn, Phạm chí chứng được thiên nhãn, thành tựu thiên nhãn nói như thế này: "Không có thân diệu hành, cũng không có quả báo của thân diệu hành; không có khẩu và ý diệu hành, cũng không có quả báo của khẩu và ý diệu hành,^; Ta không đồng ý với vị ấy. Nếu vị ấy nói: "Ta thấy người kia từ bỏ sát sanh, từ bỏ lây của không cho, từ bỏ tà dâm, từ bỏ nói dôi, cho đến từ bỏ tà kiến; với sự từ bỏ và thủ hộ này, khi thân hoại mạng chung, họ lại đi về chỗ ác, sanh trong địa ngúc"; Ta

đồng ý với vị ấy. Nếu vi ấy nói: "Nếu CÓ những trường hợp khác tương tự như vậy: Từ bỏ sát sanh, từ bỏ lây của không cho, từ bỏ tà dâm, từ bỏ nói dối, cho đến từ bỏ tà kiến; thì với sự từ bỏ và thủ hộ này, tất cả những người ấy khi thân hoại mạng chung, nhất đinh đều đi về chỗ ác, sanh vào địa ngúc"; Ta không đồng ý với vi ấy. Nếu vị ấy nói: "Thấy như vậy là chánh kiên; ai thây khác, trí của họ đi vê nẻo ta” Ta cũng không đông ý với vi ấy. Cũng như cố bám vào những sở tri, sở kiến rồi nói một cách cố chấp và một chiều: "Dây mới là chân thật, ngoài ra đều hư(tói"; Ta cũng không đồng ý với vị ấy. Vì sao? Này A-nan, Như Lai biết khác với những người đó. Này A-nan, trong đó nếu có Sa-môn, Phạm chí chứng được thiên nhãn, thành tựu thiên nhãn nói như thế này: “C6 thân ác hành, cũng có quả báo của thân ác hành; có khâu và ý ác hành, cũng có quả báo của khâu và ý ác hành^,; Ta đồng ý với vi ấy. Nếu vị ấy n6i: "Ta thấy người kia không từ bỏ sát sanh, không từ bỏ lấy của không cho, không từ bỏ tà dâm, không từ bỏ nói dối, cho đến không từ bỏ tà kiến; với sự không từ bỏ và không thủ hộ này, khi thân hoại mạng chung, họ đi về chỗ ác, sanh vào địa ngúc"; Ta đồng ý với vi ấy. Nếu vị ấy nói: "Nếu có những trường hợp khác tương tự như vậy: Không từ bỏ sát r r sanh, không từ bỏ lây của không cho, không từ bỏ tà dâm, không từ bỏ nói dôi, cho đến không từ bỏ tà kiến; thì với sự không tò bỏ và không thủ hộ này, tất cả những người ấy khi thân hoại mạng chung, nhất đinh đều đi về chỗ ác, vào địa _ > .ĩ .2 5 r : ngúc"; Ta không đông ý với vị ây. Nêu vị ây nói răng: "Thây như vậy mới là chánh kiến; ai thấy khác, trí họ đi về nẻo tà” Ta không đồng ý với vị ấy. Cũng như cô bám vào những sở tri, sở kiên roi nói một cách cô chập và một chiêu: “Dây mới là chân thật, ngoài ra đều hư d6i” Ta cũng không đồng ý với vị ấy. Vì sao? Này Anan, Như Lai biết khác với những người đó. Này A-nan, trong đó nêu có Sa-môn5 Phạm chí chứng được thiên nhãn, thành tựu thiên nhãn nói như thế này: “C6 thân diệu hành, cũng có quả báo của thân diệu hành; có khẩu và ý diệu hành, cũng có quả báo của khau và ý diệu hành"; Ta đồng ý với vị ấy. Nếu vi ấy nói: "Ta thấy người kia từ bỏ sát sanh, từ bỏ lây của không cho, từ bỏ tà dâm, từ bỏ nói dôi, cho đên từ bỏ tà kiên; với sự

từ bỏ và thủ hộ này, khi thân hoại mạng chung, họ đi về chốn lành, sanh vào cõi trời"; Ta đồng ý với vị ấy. Nếu vị ấy nói: "Nếu có những trường hợp khác tương tự: Từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà dâm, từ bỏ nói dối, cho đến từ bỏ tà kiên; thì với sự từ bỏ và thủ hộ này, tát cả những người ây khi thân hoại mạng chung, nhất định đều đi về chốn lành, sanh vào cõi trời"; Ta không đồng ý với vị ấy. Nếu vi ấy nói: "Thấy như vậy mới là chánh kiến; ai thấy khác, trí họ đi về nẻo tà,9; Ta không đồng ý với vị ấy. Cũng như cố bám vào những sở tri, sở kiến rồi nói một cách cố chấp và một chiều: "Dây mới là chân thật, ngoài ra đều hư d6i”; Ta cũng không đồng ý với vị ấy. Vì sao? Này A-nan, Như Lai biết khác với những người đó. Này A-nan, nếu là trường hợp có người không từ bỏ sát sanh, không từ bỏ lấy của không cho, không từ bỏ tà dâm, không từ bỏ nói dối, cho đến không từ bỏ tà kiến; với sự không từ bỏ và không thủ hộ này, khi thân hoại mạng chung, họ lại đi về chốn lành, sanh vào cõi trời. Người đó trước kia hoặc đã tạo tác nghiệp bất thiện, tạo tác đã thành, rồi do sự không từ bỏ và không thủ hộ cho nên người đó ở trong đời hiện tại thọ báo đã xong, họ sanh về nơi kia. Hoặc do hậu báo

cho nên họ không vì nhân này, duyên này, khi thân hoại mạng chung vẫn đi về chốn lành, sanh vào cõi trời. Hoặc trước kia đã tạo tác nghiệp thiện, tạo tác đã thành, rồi do sự từ bỏ và thủ hộ chưa tiêu hết nên được thọ báo ở chốn lành; họ do nhân này, duyên này cho nên khi thân hoại mạng chung, đi về chôn lành, sanh vào cõi trời. Hoặc khi chét khởi thiện tâm, các pháp sở hữu của tâm tương ưng với chánh kiên; họ nhờ nhân này, duyên này nên khi thân hoại mạng chung, đi về chốn lành, sanh vào cõi trời. A-nan, Như Lai biết người kia là như vậy. Này A-nan, nếu là trường hợp có người từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà dâm, từ bỏ nói dối, cho đến từ bỏ tà kiến; với sự từ bỏ và thủ hộ này, khi thân hoại mạng chung, họ lại đi về nẻo ác, sanh vào địa ngục. Hoặc giả, trước kia họ đã tạo tác nghiệp thiện, tạo tác đã thành, rồi do từ bỏ và thủ hộ cho nên người kia trong đời hiện tại thọ báo đã xong, sanh về nơi đó. Hoặc do hậu báo nên họ không vì nhân này, duyên này mà khi thân hoại mạng chung sanh về nẻo ác, sanh vào địa ngục. Hoặc trước kia họ đã tạo tác nghiệp bất thiện, tạo tác đã thành, rồi do sự không từ bỏ và không thủ hộ chưa tiêu hết nên phải thọ báo ở địa ngục; họ do nhân này, duyên này mà khi thân hoại mạng chung, đi ve nẻo ác, sanh vào địa ngục. Hoặc khi chết, họ sanh tâm bất thiện, các pháp sở hữu của tâm tương ưng với tà kiên; do nhân này, duyên này nên khi thân hoại mạng chung, đi về nẻo ác, sanh vào địa ngục. A-nan, Như Lai biết người kia là như vậy. Này A-nan, nêu là trường hợp có người không từ bỏ sát sanh, không từ bỏ lấy của không cho, không từ bỏ tà dâm, không từ bỏ nói dối, cho đến không từ bỏ tà kiến; với sự không từ bỏ và không thủ hộ này, khi thân hoại mạng chung,

họ đi về nẻo ác, sanh vào địa ngục; họ do chính nhân này, duyên này nên khi thân hoại mạng chung, đi vê nẻo ác, sanh vào địa ngục. Hoặc trước kia họ đã tạo tác nghiệp bất thiện, tạo tác đã thành, rồi do sự không từ bỏ và không thủ hộ chưa tiêu hết nên phải thọ báo ở địa ngục; họ do nhân này, duyên này nên khi thân hoại mạng chung, đi về nẻo ác, sanh vào địa ngục. Hoặc khi chết, họ sanh tâm bát thiện, các pháp sở hữu của tâm tương ưng với tà kiên; do nhân này, duyên này nên khi thân hoại mạng chung, đi về nẻo ác, sanh vào địa ngục. Anan, Như Lai biết người kia là như vậy. Này A-nan, nếu là trường hợp có người từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà dâm, từ bỏ nói dối, cho đến từ bỏ tà kiến; với sự từ bỏ và thủ hộ này, khi thân hoại mạng chung, họ đi về chốn lành, sanh vào cõi trời; họ nhờ chính nhân này, duyên này nên khi thân hoại mạng chung, đi về chốn lành, sanh vào cối trời. Hoặc trước kia họ đã tạo tác nghiệp thiện, tạo tác đã thành, rồi nhờ Sự từ bỏ và thủ hộ chưa tiêu hét nên được thọ báo quả này; họ nhờ nhân này, duyên này nên khi thân hoại mạng chung, đi về chốn lành, sanh vào cõi trời. Hoặc lúc chết, họ sanh tâm thiện, các pháp sở hữu của tâm tương ưng với chánh kiến; do nhân này, duyên này nên khi thân hoại mạng chung, đi về chốn lành, sanh vào cõi trời. A-nan, Như Lai biết người kia là như vậy. Lại nữa, có bốn hạng người: Hoặc có người không có mà giống như có, hoặc có mà giông như không có, hoặc không có giông như không có, hoặc có giống như có. Này A-nan, cũng như có bốn loại xoài: Hoặc xoài không chín mà giống như chín, hoặc chín mà giống như không chín, hoặc không chín giống như không chín, hoặc chín giống như chín.

Như vậy, A-nan, bốn thứ xoài được thí dụ với người: Hoặc có người không có mà giông như có, hoặc có mà giông như không có, hoặc không có giống như không có, hoặc có giống như có. Đức Phật nói như vậy, Tôn giả A-nan và các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.